



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154002	Trương Hoàng Anh	DH19OT						9,5	0012345678910	0123456789
2	19118006	Nguyễn Thành Băng	DH19CK						6,5	0012345678910	0123456789
3	19118007	Dương Gia Bảo	DH19CK						4,5	0012345678910	0123456789
4	19118010	Lê Thái Thiên Bảo	DH19CK						5,0	0012345678910	0123456789
5	19118011	Ngô Quốc Bảo	DH19CK						4,0	0012345678910	0123456789
6	18118011	Nguyễn Trung Chính	DH18CK						9,0	0012345678910	0123456789
7	19118022	Đặng Mai Chung	DH19CK						8,0	0012345678910	0123456789
8	19118025	Diệp Kiến Cường	DH19CK						8,0	0012345678910	0123456789
9	19154015	Huỳnh Mạnh Cường	DH19OT						9,0	0012345678910	0123456789
10	19118030	Chế Nguyễn Văn Danh	DH19CK						✓	0012345678910	0123456789
11	18118018	Nguyễn Võ Công Danh	DH18CK						✓	0012345678910	0123456789
12	19118031	Trần Đức Danh	DH19CK						5,0	0012345678910	0123456789
13	18118028	Triệu Quốc Dũng	DH18CK						9,0	0012345678910	0123456789
14	19154017	Võ Quốc Đại	DH19OT						8,5	0012345678910	0123456789
15	19118034	Nguyễn Công Đạt	DH19CK						4,0	0012345678910	0123456789
16	19118040	Lê Văn Đô	DH19CK						9,5	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154024	Võ Văn Đô	DH19OT						9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
18	19118041	K'	DH19CC						6,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
19	19118042	Trần Hữu Đức	DH19CK						5,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	19154044	Nguyễn Đỗ Trọng Hiệp	DH19OT						6,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
21	19118067	Phạm Trung Hiếu	DH19CK						5,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
22	16138035	Lý Minh Hoàng	DH16TD						7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
23	19118076	Nguyễn Việt Hoàng	DH19CK						5,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
24	19118088	Hà Quang Huy	DH19CK						6,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
25	19118098	Trần Quốc Huy	DH19CK						1,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
26	19118081	Ngô Trung Hưng	DH19CK						8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
27	19118104	Nguyễn Chí Hải	DH19CC						9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
28	18118055	Lê Minh Khang	DH18CK						9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
29	17118051	Nguyễn Trung Kiên	DH17CK						7,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
30	19118111	Đặng Hoàng Kiệt	DH19CK						7,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
31	19118112	Ngô Tấn Kiệt	DH19CK						9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
32	19118113	Nguyễn Duy Kiệt	DH19CK						4,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 00422

Trang 3/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118118	Nguyễn Tùng Lâm	DH19CK						1,0	0012345678910	0123456789
34	19118121	Nguyễn Cảnh Liêm	DH19CK						8,5	0012345678910	0123456789
35	19118123	Nguyễn Như Linh	DH19CK						1,0	0012345678910	0123456789
36	19118137	Bùi Duy Lữ	DH19CK						6,0	0012345678910	0123456789
37	19118140	Nguyễn Hoàng Mạnh	DH19CC						9,0	0012345678910	0123456789
38	19118142	Đặng Nguyễn Nhật Minh	DH19CK						V	0012345678910	0123456789
39	19118143	Lê Công Minh	DH19CK						4,0	0012345678910	0123456789
40	19118144	Lê Trần Nhật Minh	DH19CK						9,5	0012345678910	0123456789
41	18118082	Nguyễn Đình Minh	DH18CK						6,0	0012345678910	0123456789
42	19118147	Hoàng Phương Nam	DH19CK						6,5	0012345678910	0123456789
43	19118149	Lâm Nhật Nam	DH19CK						5,0	0012345678910	0123456789
44	17153045	Nguyễn Thanh Nam	DH17CD						5,0	0012345678910	0123456789
45	19118151	Trần Duy Nhật Nam	DH19CK						4,0	0012345678910	0123456789
46	18118088	Lê Đại Nghĩa	DH18CC						5,0	0012345678910	0123456789
47	18118098	Nguyễn Trung Nhân	DH18CK						9,5	0012345678910	0123456789
48	19118167	Phạm Thế Nhật	DH19CK						9,0	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	19118168	Thân Văn Nhơ	DH19CK						7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	19154110	Huỳnh Đức Nhuận	DH19OT						10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	20118220	ĐỖ MINH PHÁT	DH20CC						5,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	19118171	Trần Trường Phát	DH19CK						7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	17118080	Diệp Thanh Phúc	DH17CK						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	20118231	ĐẶNG PHƯỚC HOÀI PHÚC	DH20CC						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
55	20118232	HUỲNH TRỌNG PHÚC	DH20CC						8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	17153057	Nguyễn Đức Phúc	DH17CD						9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	17118082	Nguyễn Hoàng Phúc	DH17CC						9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	19154124	Phan Văn Phương	DH19OT						9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	18118112	Lê Văn Quang	DH18CK						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	19118187	Trương Quang Quân	DH19CK						6,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	19118191	Trương Thanh Quý	DH19CK						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	17153066	Đào Minh Thành	DH17CD						10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	19118216	Nguyễn Tiến Thành	DH19CK						5,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	16154086	Bùi Xuân Thắng	DH16OT						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 00422

Trang 5/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
65	19118212	Trần Quốc Thắng	DH19CK						1,5	0012345678910	0123456789
66	19118222	Nguyễn Trần Xuân Thiên	DH19CK						✓	0012345678910	0123456789
67	13153223	Trần Hữu Thọ	DH13CD						✓	0012345678910	0123456789
68	15138066	Nguyễn Minh Thoại	DH15TD						9,0	0012345678910	0123456789
69	19118232	Ngô Kế Minh Thuận	DH19CK						1,0	0012345678910	0123456789
70	19118244	Nguyễn Phúc Toại	DH19CC						8,0	0012345678910	0123456789
71	18118158	Nguyễn Thành Tôn	DH18CK						9,0	0012345678910	0123456789
72	19118252	Nguyễn Trần Minh Trí	DH19CK						4,0	0012345678910	0123456789
73	19118257	Trương Minh Trung	DH19CK						5,5	0012345678910	0123456789
74	19118259	Nguyễn Đức Trường	DH19CK						8,5	0012345678910	0123456789
75	19118264	Cao Linh Tuấn	DH19CK						4,0	0012345678910	0123456789
76	18118181	Vũ Ngọc Tuyên	DH18CK						9,5	0012345678910	0123456789
77	19118271	Phạm Bá Tường	DH19CK						6,5	0012345678910	0123456789
78	19118274	Tăng Quốc Việt	DH19CK						7,0	0012345678910	0123456789
79	19118276	Phạm Thái Bảo Vinh	DH19CK						5,5	0012345678910	0123456789
80	19118282	Nguyễn Quốc Vương	DH19CK						8,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 17/05/2021 09:54

PGS.TS. Lê Anh Đức

Nguyễn Thanh Phong



Mã nhận dạng 00424

Trang 1/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 03

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19137001	Nguyễn Duy An	DH19NL						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	19137002	Châu Thanh Hoàng Anh	DH19NL						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	19118001	Dương Nguyễn Hoàng Ân	DH19CC						6,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	19154005	Nguyễn Thái Bào	DH19OT						9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	19118016	Nguyễn Văn Ca	DH19CC						6,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	19137006	Lê Ngô Chí	DH19NL						5,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	19118019	Lê Minh Chiến	DH19CK						7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	19154012	Nguyễn Minh Chiến	DH19OT						9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	19137007	Nguyễn Vương Chiến	DH19NL						7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	19137009	Huỳnh Tấn Cường	DH19NL						5,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	19137011	Nguyễn Long Cường	DH19NL						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	19154020	Nguyễn Công Danh	DH19OT						8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19154021	Nguyễn Ngọc Danh	DH19OT						8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	20115192	NGUYỄN LÊ THUY DUNG	DH20GN						7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	19137012	Nguyễn Văn Đàm	DH19NL						4,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	19154022	Nguyễn Xuân Đạo	DH19OT						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 00424

Trang 2/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 03

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19137013	Hồ Dương Tuấn Đạt	DH19NL						90	0012345678910	0123456789
18	19137014	Trần Minh Đạt	DH19NL						40	0012345678910	0123456789
19	19154027	Nguyễn Hoài Đức	DH19OT						95	0012345678910	0123456789
20	19154029	Nguyễn Việt Đức	DH19OT						45	0012345678910	0123456789
21	19137018	Phạm Duy Hạnh	DH19NL						50	0012345678910	0123456789
22	19154037	Nguyễn Phan Trường Hân	DH19OT						70	0012345678910	0123456789
23	19154040	Đào Công Hậu	DH19OT						90	0012345678910	0123456789
24	19137020	Nguyễn Trung Hậu	DH19NL						90	0012345678910	0123456789
25	19118072	Lăng Ngọc Hoàng	DH19CK						50	0012345678910	0123456789
26	19137022	Phạm Văn Trí Hùng	DH19NL						70	0012345678910	0123456789
27	19137025	Nguyễn Minh Huy	DH19NL						85	0012345678910	0123456789
28	19137026	Nguyễn Phúc Gia Huy	DH19NL						85	0012345678910	0123456789
29	19137027	Nguyễn Trần Gia Huy	DH19NL						V	0012345678910	0123456789
30	19137028	Sầm Khắc Huy	DH19NL						80	0012345678910	0123456789
31	19154062	Trần Quốc Huy	DH19OT						80	0012345678910	0123456789
32	19137029	Trần Văn Huy	DH19NL						90	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00424

Trang 3/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 03

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	19137023	Ngô Trần Hưng	DH19NL						8,0	0012345678910	0123456789
34	19154056	Nguyễn Hải Hưng	DH19OT						7,5	0012345678910	0123456789
35	13138006	Đào Thanh Hữu	DH13TD						7,0	0012345678910	0123456789
36	19137031	Đặng Hoàng Khang	DH19NL						9,5	0012345678910	0123456789
37	19153030	Nguyễn Duy Khang	DH19CD						5,0	0012345678910	0123456789
38	19154077	Trương Đăng Khoa	DH19OT						5,0	0012345678910	0123456789
39	19154090	Trịnh Đình Vũ	DH19OT						5,0	0012345678910	0123456789
40	19137041	Nguyễn Phúc Lộc	DH19NL						8,0	0012345678910	0123456789
41	19118133	Trần Hữu Khánh	DH19CC						9,0	0012345678910	0123456789
42	19137042	Bùi Thị Yến	DH19NL						6,0	0012345678910	0123456789
43	19137043	Phạm Nhật Nam	DH19NL						5,0	0012345678910	0123456789
44	19137044	Nguyễn Hoàng Ngoan	DH19NL						6,5	0012345678910	0123456789
45	19137045	Nguyễn Ngọc Hoàng	DH19NL						✓	0012345678910	0123456789
46	19137046	Nguyễn Phúc Nguyên	DH19NL						9,0	0012345678910	0123456789
47	19137047	Đào Thành Nhân	DH19NL						5,0	0012345678910	0123456789
48	19137050	Trần Hoàng Phi	DH19NL						5,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00424

Trang 4/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 03

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	19153058	Cao Thành Phú	DH19CD						8,0	0012345678910	0123456789
50	19154127	Nguyễn Văn Quý	DH19OT						5,0	0012345678910	0123456789
51	19137054	Huỳnh Thị Ngọc Quý	DH19NL						9,0	0012345678910	0123456789
52	19153064	Lê Hữu Quý	DH19CD						7,0	0012345678910	0123456789
53	19137055	Nguyễn Thị Yến	DH19NL						6,0	0012345678910	0123456789
54	19154128	Nguyễn Đình Quyết	DH19OT						5,0	0012345678910	0123456789
55	19137056	Trần Nguyễn Sang	DH19NL						6,0	0012345678910	0123456789
56	19154131	Lê Hoàng Sơn	DH19OT						7,5	0012345678910	0123456789
57	19137057	Thái Đức Sơn	DH19NL						✓	0012345678910	0123456789
58	19137058	Cao Tấn Tài	DH19NL						5,0	0012345678910	0123456789
59	19137059	Hồ Anh Tài	DH19NL						6,5	0012345678910	0123456789
60	19137061	Lương Ngọc Tân	DH19NL						9,5	0012345678910	0123456789
61	19137062	Nguyễn Đăng Tân	DH19NL						5,0	0012345678910	0123456789
62	19137063	Võ Nhật Tân	DH19NL						5,0	0012345678910	0123456789
63	19137066	Châu Văn Thanh	DH19NL						7,5	0012345678910	0123456789
64	19153073	Nguyễn Tuấn Thanh	DH19CD						5,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00424

Trang 5/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 03

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
65	19137068	Huỳnh Chí Thành	DH19NL						7,0	0012345678910	0123456789
66	19137069	Nguyễn Công Thành	DH19NL						8,5	0012345678910	0123456789
67	19137070	Nguyễn Quốc Thành	DH19NL						4,0	0012345678910	0123456789
68	19153075	Nguyễn Tấn Thành	DH19CD						6,0	0012345678910	0123456789
69	19118209	Nguyễn Thanh Thắng	DH19CC						7,5	0012345678910	0123456789
70	19137065	Phạm Phước Thắng	DH19NL						8,5	0012345678910	0123456789
71	19137071	Bùi Quang Thoại	DH19NL						5,0	0012345678910	0123456789
72	19153079	Hoàng Thông	DH19CD						9,0	0012345678910	0123456789
73	19153080	Kiều Thuy	DH19CD						9,0	0012345678910	0123456789
74	19118235	Trần Thành Tiên	DH19CC						8,5	0012345678910	0123456789
75	19154165	Lê Việt Tiệp	DH19OT						5,0	0012345678910	0123456789
76	17137072	Nguyễn Hoàng Anh Trí	DH17NL						6,0	0012345678910	0123456789
77	19153086	Tạ Thị Ngọc Trinh	DH19CD						9,0	0012345678910	0123456789
78	19137077	Bùi Thành Trung	DH19NL						8,0	0012345678910	0123456789
79	19137079	Huỳnh Quốc Tuấn	DH19NL						8,5	0012345678910	0123456789
80	19153093	Trần Ngọc Vui	DH19CD						✓	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 17/05/2021 09:54

PGS.TS. Lê Anh Đức

Nguyễn Thanh Phong



Mã nhận dạng 13934

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu phi kim loại(207120)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CC_01**

Tổ Thi **001_DH19CC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **10/09/2021**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi **RD403**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 K %	Đ2 35 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118008	Lê Đình Bảo	DH19CC			10	8,0	7,0	7,8	0012345678910	0123456789
2	19118017	Đỗ Tấn Cảnh	DH19CC			10	8,0	7,0	7,9	0012345678910	0123456789
3	17118027	Nguyễn Anh Duy	DH17CC			10	7,8	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
4	19118039	Bùi Ngọc Điệp	DH19CC			10	8,0	7,5	8,2	0012345678910	0123456789
5	19118104	Nguyễn Chí KHải	DH19CC			8,0	8,0	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
6	17118057	Nguyễn Văn Lương	DH17CC			10	7,0	8,0	7,8	0012345678910	0123456789
7	19118160	Trần Bá Nguyên	DH19CC			10	7,0	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
8	19118186	Nguyễn Ngọc Quân	DH19CC			10	8,0	7,0	7,9	0012345678910	0123456789
9	17118105	Nguyễn Bá Thiện	DH17CC			8,0	7,0	7,5	7,3	0012345678910	0123456789
10	19118224	Lâm Thanh Thiện	DH19CC			10	7,0	7,0	7,3	0012345678910	0123456789
11	19118235	Trần Thành Tiên	DH19CC			10	7,0	8,0	7,9	0012345678910	0123456789
12	19118246	Nguyễn Văn Toàn	DH19CC			10	6,0	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
13	17118145	Trần Văn Thanh Xuân	DH17CC			0,0	0,0	4,0	2,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 13934

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Vật liệu phi kim loại(207120)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi

001_DH19CC_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Phong

Ngày Thi 10/09/2021

Giờ Thi

14:00

Phòng Thi

RD403

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

PGS.TS. Lê Anh Đức



Mã nhận dạng 16089

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu phi kim loại(207120)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CC_01**

Tổ Thi **001_DH19CC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **11/02/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **PV237**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 35%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118074	Trần Long Nhựt	DH17CC			10	7,0	4,0	5,8	0012345678910	0123456789
2	17118145	Trần Văn Thanh Xuân	DH17CC			0,0	0,0	4,0	2,0	0012345678910	0123456789
3	18118222	Châu Ngọc Ti	DH18CC						✓	0012345678910	0123456789
4	19118001	Dương Nguyễn Hoàng Ân	DH19CC			10	7,0	7,0	7,5	0012345678910	0123456789
5	19118005	Lương Thái Ban	DH19CC			8,0	8,0	7,5	7,2	0012345678910	0123456789
6	19118016	Nguyễn Văn Ca	DH19CC			8,0	6,0	7,5	7,1	0012345678910	0123456789
7	19118043	Huỳnh Quốc Dũng	DH19CC			10	8,0	7,0	7,9	0012345678910	0123456789
8	19118048	Dương Hoàng Duy	DH19CC			10	6,0	7,0	7,8	0012345678910	0123456789
9	19118049	Huỳnh Khánh Duy	DH19CC			8,0	7,0	7,0	7,1	0012345678910	0123456789
10	19118051	Phan Phúc Duy	DH19CC			10	7,0	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
11	19118055	Lê Tấn Hải	DH19CC			10	8,0	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
12	19118060	Dương Trung Hậu	DH19CC			10	6,0	7,0	7,8	0012345678910	0123456789
13	19118061	Lê Lý Hậu	DH19CC			10	7,0	7,0	7,3	0012345678910	0123456789
14	19118074	Ngô Minh Hoàng	DH19CC			8,0	7,0	8,0	7,5	0012345678910	0123456789
15	19118103	Mai Hoàng KHải	DH19CC			8,0	7,0	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
16	19118116	Lâm Văn La	DH19CC			10	7,0	6,5	7,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16089

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Vật liệu phi kim loại(207120)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi

001_DH19CC_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Phong

Ngày Thi 11/02/2022

Giờ Thi

08:00

Phòng Thi

PV237

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 35%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118117	Nguyễn Trường Lâm	DH19CC			10	8,0	7,0	7,9	0012345678910	0123456789
18	19118125	Nguyễn Văn Linh	DH19CC			8,0	7,0	7,0	7,2	0012345678910	0123456789
19	19118159	Đinh Quang Nguyên	DH19CC			6,0	8,0	7,5	7,3	0012345678910	0123456789
20	19118177	Nguyễn Trường Phong	DH19CC			10	8,0	7,0	7,8	0012345678910	0123456789
21	19118178	Phạm Hoàng Phong	DH19CC			8,0	7,0	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
22	19118211	Trần Danh Thắng	DH19CC			8,0	6,0	7,0	6,8	0012345678910	0123456789
23	19118233	Nguyễn Nam Thuận	DH19CC			10	8,0	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
24	19118243	Nguyễn Tấn Tịnh	DH19CC			8,0	7,0	8,0	7,8	0012345678910	0123456789
25	19118244	Nguyễn Phúc ToAi	DH19CC			10	6,0	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
26	19118247	Trương Hữu Toàn	DH19CC			8,0	6,0	7,5	7,1	0012345678910	0123456789
27	19118263	Võ Văn Tư	DH19CC			10	6,0	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
28	19118280	Nguyễn Hoàng Vũ	DH19CC			8,0	7,0	7,0	7,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16089

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu phi kim loại(207120)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CC_01**

Tổ Thi **001_DH19CC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **11/02/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **PV237**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 35%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	-----------	-----------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

PGS.TS. Lê Anh Đức



Mã nhận dạng 13935

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Vật liệu phi kim loại(207120)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CC_02

Tổ Thi

001_DH19CC_02

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Phong

Ngày Thi 10/09/2021

Giờ Thi

14:00

Phòng Thi

RD503

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 LC%	Đ2 SC%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118013	Nguyễn Tiêu Bảo	DH19CC			10	7,0	60	7,0	0012345678910	0123456789
2	19118018	Lê Minh Cảnh	DH19CC			10	6,9	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
3	19118020	Nguyễn Đoàn Công Chiến	DH19CC			10	7,7	7,0	7,7	0012345678910	0123456789
4	19118033	Lê Tiến Đạt	DH19CC			10	5,0	8,0	7,3	0012345678910	0123456789
5	19118094	Nguyễn Nam Huy	DH19CC			8,0	8,0	7,0	7,6	0012345678910	0123456789
6	19118095	Nguyễn Quang Huy	DH19CC			10	6,6	8,0	7,8	0012345678910	0123456789
7	19118105	Lý Nhât Khang	DH19CC			10	7,8	7,0	7,7	0012345678910	0123456789
8	19118134	Lý Kim Luân	DH19CC			10	5,0	6,5	6,5	0012345678910	0123456789
9	19118164	Trần Thanh Nhân	DH19CC			10	7,7	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
10	19118213	Đặng Hồng Thanh	DH19CC			10	6,9	7,0	7,4	0012345678910	0123456789
11	19118217	Phan Trung Thành	DH19CC			4,5	4,5	7,5	6,0	0012345678910	0123456789
12	19118245	Nguyễn Văn Toán	DH19CC			10	7,8	6,5	7,5	0012345678910	0123456789
13	19118278	Phan Văn Vĩnh	DH19CC			6,0	7,0	6,5	6,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 13935

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Vật liệu phi kim loại(207120)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CC_02

Tổ Thi 001_DH19CC_02

Tên CBGD Nguyễn Thanh Phong

Ngày Thi 10/09/2021

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD503

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

PGS.TS. Lê Anh Đức



Mã nhận dạng 16090

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu phi kim loại(207120)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CC_02**

Tổ Thi

001_DH19CC_02

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Phong

Ngày Thi **11/02/2022**

Giờ Thi

08:00

Phòng Thi

PV319

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118003	Nguyễn Văn Anh	DH19CC			10	5,0	6,5	6,5	0012345678910	0123456789
2	19118012	Nguyễn Ngọc Quốc Bảo	DH19CC			10	6,9	7,0	7,4	0012345678910	0123456789
3	19118024	Đậu Thành Công	DH19CC			10	6,9	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
4	19118026	Đinh Ngọc Cường	DH19CC			8,0	5,0	7,5	6,7	0012345678910	0123456789
5	19118032	Trần Tiến Đạo	DH19CC			10	7,7	8,0	8,2	0012345678910	0123456789
6	19118035	Nguyễn Mai Quốc Đạt	DH19CC			8,0	5,0	7,0	6,5	0012345678910	0123456789
7	19118037	Phạm Thế Đạt	DH19CC			10	7,5	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
8	19118044	Trần Nhật Dũng	DH19CC			10	7,7	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
9	19118046	Nguyễn Văn Dương	DH19CC			10	5,9	7,0	7,1	0012345678910	0123456789
10	19118059	Nguyễn Chí Hào	DH19CC			10	6,6	7,0	7,3	0012345678910	0123456789
11	19118082	Nguyễn Cao Hưng	DH19CC			10	6,9	8,0	7,9	0012345678910	0123456789
12	19118084	Trần Trọng Hữu	DH19CC			10	7,2	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
13	19118087	Đỗ Quốc Huy	DH19CC			10	7,5	8,0	8,1	0012345678910	0123456789
14	19118102	Nguyễn Văn Khá	DH19CC			10	7,8	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
15	19118110	Lâm Hào Khôn	DH19CC			8,0	6,6	7,5	7,3	0012345678910	0123456789
16	19118115	Phù Thiết Ki	DH19CC			10	7,2	6,5	7,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16090

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu phi kim loại(207120)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CC_02**

Tổ Thi **001_DH19CC_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **11/02/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **PV319**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 LC%	Đ2 35%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118122	Đinh Kỳ	Linh	DH19CC		10	7,2	7,0	7,5	0012345678910	0123456789
18	19118131	Lê Hoàng	Long	DH19CC		10	7,5	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
19	19118133	Trần Hữu Khánh	Luân	DH19CC		10	7,0	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
20	19118135	Trần Hữu	Luân	DH19CC		10	5,9	6,0	6,6	0012345678910	0123456789
21	19118139	Đinh Minh	Mẫn	DH19CC		10	5,8	7,0	7,0	0012345678910	0123456789
22	19118145	Nguyễn Văn	Minh	DH19CC		10	7,2	6,0	7,0	0012345678910	0123456789
23	19118146	Thạch	Minh	DH19CC		10	7,8	6,5	7,5	0012345678910	0123456789
24	19118150	Nguyễn Hoài	Nam	DH19CC		10	7,2	6,0	7,0	0012345678910	0123456789
25	19118162	Nguyễn Duy Trọng	Nhân	DH19CC		8,0	6,8	6,0	6,6	0012345678910	0123456789
26	19118170	Nguyễn Hoàng	Ninh	DH19CC		10	5,8	7,0	7,0	0012345678910	0123456789
27	19118173	Bùi Trung	Phong	DH19CC		10	6,8	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
28	19118179	Nguyễn Lê	Phú	DH19CC		10	7,2	7,0	7,5	0012345678910	0123456789
29	19118182	Lê Đình	Phước	DH19CC		10	5,9	7,5	7,3	0012345678910	0123456789
30	19118195	Phạm Thành	Sang	DH19CC		8,0	6,6	7,0	7,0	0012345678910	0123456789
31	19118201	Nguyễn Tuấn	Tài	DH19CC		10	5,8	7,0	7,0	0012345678910	0123456789
32	19118202	Nguyễn Minh	Tâm	DH19CC		0,0	8,8	4,0	5,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16090

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu phi kim loại(207120)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CC_02**

Tổ Thi

001_DH19CC_02

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Phong

Ngày Thi **11/02/2022**

Giờ Thi

08:00

Phòng Thi

PV319

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 35%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118204	Phùng Quốc Tấn	DH19CC			10	5,8	7,0	7,0	0012345678910	0123456789
34	19118209	Nguyễn Thanh Thắng	DH19CC			10	6,6	7,0	7,3	0012345678910	0123456789
35	19118215	Trần Ngọc Thanh	DH19CC			10	5,9	6,5	6,8	0012345678910	0123456789
36	19118230	Nguyễn Thị Anh Thư	DH19CC			10	6,0	7,5	8,1	0012345678910	0123456789
37	19118236	Phạm Vũ Nhật Tiến	DH19CC			10	6,8	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
38	19118238	Trần Minh Tiến	DH19CC			10	5,9	6,5	6,8	0012345678910	0123456789
39	19118250	Huỳnh Trần Bảo Trân	DH19CC			10	7,5	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
40	19118251	Trần Thị Thiên Trang	DH19CC			10	7,5	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
41	19118254	Huỳnh Như Trọng	DH19CC			10	7,7	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
42	19118258	Vũ Đình Trung	DH19CC			10	6,8	7,0	7,4	0012345678910	0123456789
43	19118262	Thái Văn Trường	DH19CC			10	7,8	7,0	7,7	0012345678910	0123456789
44	19118269	Trần Nguyễn Đức Tuấn	DH19CC			10	5,8	6,5	6,8	0012345678910	0123456789
45	19118279	Bùi Bá Vũ	DH19CC			10	6,8	8,0	7,9	0012345678910	0123456789
46	19118285	Phạm Huỳnh Phúc Yên	DH19CC			10	7,0	7,0	7,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16090

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu phi kim loại(207120)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CC_02**

Tổ Thi **001_DH19CC_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **11/02/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **PV319**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

PGS.TS. Lê Anh Đức



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: UD tin học trong thiết kế máy (207125) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118020	Nguyễn Đoàn Công Chiến	DH19CC						5,0	0012345678910	0123456789
2	18137007	Đào Chí Cường	DH18NL						7,0	0012345678910	0123456789
3	19118044	Trần Nhật Dũng	DH19CC						5,0	0012345678910	0123456789
4	19118049	Huỳnh Khánh Duy	DH19CC						5,0	0012345678910	0123456789
5	17118029	Trần Minh Duy	DH17CC						V	0012345678910	0123456789
6	15153014	Nguyễn Phương Duyệt	DH15CD						V	0012345678910	0123456789
7	19118046	Nguyễn Văn Dương	DH19CC						6,0	0012345678910	0123456789
8	19118032	Trần Tiến Đạo	DH19CC						6,5	0012345678910	0123456789
9	19118033	Lê Tiến Đạt	DH19CC						6,0	0012345678910	0123456789
10	19118035	Nguyễn Mai Quốc Đạt	DH19CC						6,0	0012345678910	0123456789
11	19118037	Phạm Thế Đạt	DH19CC						5,0	0012345678910	0123456789
12	18153010	Đặng Hải Đăng	DH18CD						6,0	0012345678910	0123456789
13	19118041	K' Đông	DH19CC						6,0	0012345678910	0123456789
14	19118059	Nguyễn Chí Hào	DH19CC						5,0	0012345678910	0123456789
15	16153027	Hán Tấn Hiếu	DH16CD						5,0	0012345678910	0123456789
16	18137019	Trịnh Thế Hoan	DH18NL						7,8	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: UD tin học trong thiết kế máy (207125) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118085	Đặng Minh Huy	DH19CC						6,0	0012345678910	0123456789
18	19118087	Đỗ Quốc Huy	DH19CC						5,0	0012345678910	0123456789
19	19118084	Trần Trọng Hữu	DH19CC						5,0	0012345678910	0123456789
20	19118102	Nguyễn Văn Khá	DH19CC						7,5	0012345678910	0123456789
21	19118103	Mai Hoàng KHải	DH19CC						5,0	0012345678910	0123456789
22	19118104	Nguyễn Chí KHải	DH19CC						7,0	0012345678910	0123456789
23	19118105	Lý Nhất Khang	DH19CC						7,0	0012345678910	0123456789
24	19118107	Phạm Vĩnh Khang	DH19CC						5,0	0012345678910	0123456789
25	19118110	Lâm Hào Khôn	DH19CC						6,0	0012345678910	0123456789
26	19118115	Phù ThiẾT Kì	DH19CC						5,0	0012345678910	0123456789
27	19118117	Nguyễn Trường Lâm	DH19CC						5,0	0012345678910	0123456789
28	19118122	Đinh Kỳ Linh	DH19CC						5,0	0012345678910	0123456789
29	19118131	Lê Hoàng Long	DH19CC						5,0	0012345678910	0123456789
30	19118134	Lý Kim LuẬn	DH19CC						7,0	0012345678910	0123456789
31	17118057	Nguyễn Văn Lương	DH17CC						9,0	0012345678910	0123456789
32	19118139	Đinh Minh Mẫn	DH19CC						7,0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: UD tin học trong thiết kế máy (207125) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	18153048	Nguyễn Đại Nghĩa	DH18CD						6,5	0012345678910	0123456789
34	19118154	Phạm Minh Nghĩa	DH19CC						5,0	0012345678910	0123456789
35	17118067	Lý Thái Nguyên	DH17CC						9,5	0012345678910	0123456789
36	19118161	Lê Dương Thiện Nhân	DH19CC						✓	0012345678910	0123456789
37	19118164	Trần Thanh Nhân	DH19CC						5,5	0012345678910	0123456789
38	17118073	Nguyễn Minh Nhựt	DH17CC						9,5	0012345678910	0123456789
39	19118170	Nguyễn Hoàng Ninh	DH19CC						6,0	0012345678910	0123456789
40	19118173	Bùi Trung Phong	DH19CC						✓	0012345678910	0123456789
41	19118178	Phạm Hoàng Phong	DH19CC						5,0	0012345678910	0123456789
42	17118082	Nguyễn Hoàng Phúc	DH17CC						9,5	0012345678910	0123456789
43	19118182	Lê Đình Phước	DH19CC						6,0	0012345678910	0123456789
44	19118185	Nguyễn Hoàng Quân	DH19CC						5,0	0012345678910	0123456789
45	19118186	Nguyễn Ngọc Quân	DH19CC						6,0	0012345678910	0123456789
46	17118089	Phạm Bùi Tấn Sang	DH17CC						8,0	0012345678910	0123456789
47	19118195	Phạm Thành Sang	DH19CC						✓	0012345678910	0123456789
48	17154081	Phạm Trương Hồng Sơn	DH17OT						✓	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: UD tin học trong thiết kế máy (207125) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	19118201	Nguyễn Tuấn Tài	DH19CC						7,0	0012345678910	0123456789
50	19118204	Phùng Quốc Tấn	DH19CC						6,0	0012345678910	0123456789
51	19118213	Đặng Hồng Thanh	DH19CC						5,0	0012345678910	0123456789
52	19118217	Phan Trung Thành	DH19CC						✓	0012345678910	0123456789
53	19118211	Trần Danh Thắng	DH19CC						5,0	0012345678910	0123456789
54	19118230	Nguyễn Thị Anh Thư	DH19CC						7,0	0012345678910	0123456789
55	19118245	Nguyễn Văn Toán	DH19CC						7,5	0012345678910	0123456789
56	18118158	Nguyễn Thành Tôn	DH18CK						8,0	0012345678910	0123456789
57	19118251	Trần Thị Thiên Trang	DH19CC						5,0	0012345678910	0123456789
58	19118250	Huỳnh Trần Bảo Trân	DH19CC						5,0	0012345678910	0123456789
59	19118254	Huỳnh Như Trọng	DH19CC						6,0	0012345678910	0123456789
60	19118258	Vũ Đình Trung	DH19CC						7,0	0012345678910	0123456789
61	19118262	Thái Văn Trường	DH19CC						7,0	0012345678910	0123456789
62	19118269	Trần Nguyễn Đức Tuấn	DH19CC						5,0	0012345678910	0123456789
63	19118263	Võ Văn Tư	DH19CC						5,0	0012345678910	0123456789
64	19118280	Nguyễn Hoàng Vũ	DH19CC						5,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 17/05/2021 09:54

PGS.TS. Lê Anh Đức

Nguyễn Thanh Phong

Mã nhân dạng 16105

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi 001 DH19CC_01

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi 17/01/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi **RD404**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118013	Nguyễn Tiểu Bảo	DH19CC				4,0	4,0	4,0	0012345678910	0123456789
2	19118030	Chế Nguyễn Văn Danh	DH19CK				5,0	3,0	4,0	0012345678910	0123456789
3	19118037	Phạm Thế Đạt	DH19CC				7,0	6,0	6,5	0012345678910	0123456789
4	19118041	K' Đông	DH19CC				7,0	2,0	4,5	0012345678910	0123456789
5	19118043	Huỳnh Quốc Dũng	DH19CC				4,0	5,0	4,5	0012345678910	0123456789
6	19118044	Trần Nhật Dũng	DH19CC				7,0	5,0	6,0	0012345678910	0123456789
7	19118049	Huỳnh Khánh Duy	DH19CC				4,0	5,0	4,5	0012345678910	0123456789
8	19118057	Huỳnh Gia Hào	DH19CC				4,5	5,0	4,8	0012345678910	0123456789
9	19118061	Lê Lý Hậu	DH19CC				6,5	6,0	6,3	0012345678910	0123456789
10	19118074	Ngô Minh Hoàng	DH19CC				4,0	4,0	4,0	0012345678910	0123456789
11	19118081	Ngô Trung Hưng	DH19CK				5,0	4,0	4,5	0012345678910	0123456789
12	19118101	Lê Duy Kha	DH19CC				6,0	4,0	5,0	0012345678910	0123456789
13	19118107	Phạm Vĩnh Khang	DH19CC				5,0	4,0	4,8	0012345678910	0123456789
14	19118116	Lâm Văn La	DH19CC				5,5	5,5	5,5	0012345678910	0123456789
15	19118123	Nguyễn Như Linh	DH19CK				0,0	0,0	0,0	0012345678910	0123456789
16	19118134	Lý Kim Ân	DH19CC				4,5	5,5	5,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16105

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CC_01**

Tổ Thi **001_DH19CC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD404**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118135	Trần Hữu	Luận	DH19CC				2,0	4,5	3,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	19118137	Bùi Duy	Lũy	DH19CK				6,0	4,0	5,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	19118139	Đình Minh	Mẫn	DH19CC				5,5	5,0	5,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	19118148	Huỳnh Hoài	Nam	DH19CK				6,5	4,0	5,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	19154009	Nguyễn Xuân	Cánh	DH19OT				7,0	6,5	6,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	19154024	Võ Văn	Đô	DH19OT				6,5	7,0	6,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	19154051	Lê Quang	Hoàng	DH19OT				4,5	5,0	4,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	19154081	Trương Bảo	Lam	DH19OT				5,0	0,0	2,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

PGS.TS. Lê Anh Đức

Ngày in : 24/01/2022

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Vẽ kỹ thuật 2(207139)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi 002_DH19CC_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Phong

Ngày Thi 17/01/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi

RD403

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118149	Lâm Nhật Nam	DH19CK				5,5	4,0	4,8	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	19118154	Phạm Minh Nghĩa	DH19CC				4,0	4,0	4,0	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	19118160	Trần Bá Nguyên	DH19CC				5,0	5,0	5,0	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	19118161	Lê Dương Thiện Nhân	DH19CC						✓	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	19118162	Nguyễn Duy Trọng	DH19CC				4,0	0,0	2,0	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	19118164	Trần Thanh Nhân	DH19CC				8,0	5,0	6,5	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	19118179	Nguyễn Lê Phú	DH19CC				4,0	5,5	4,8	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	19118185	Nguyễn Hoàng Quân	DH19CC				2,0	3,0	2,5	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	19118188	Bùi Nguyễn Quang	DH19CC				7,0	4,0	5,5	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	19118189	Lê Vinh Quang	DH19CK				3,0	3,0	3,0	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	19118193	Huỳnh Văn Quyết	DH19CK				6,0	5,5	5,8	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	19118195	Phạm Thành Sang	DH19CC				3,0	4,0	3,5	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19118201	Nguyễn Tuấn Tài	DH19CC				6,0	7,0	6,5	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	19118204	Phùng Quốc Tấn	DH19CC				5,5	5,0	5,3	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	19137049	Đỗ Minh Phát	DH19NL				2,0	5,0	3,5	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	19154139	Dương Bảo Thái	DH19OT				6,5	5,0	5,8	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 16106

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CC_01**

Tổ Thi **002_DH19CC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD403**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154140	Nguyễn Quốc Thái	DH19OT				50	50	50	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

PGS.TS. Lê Anh Đức



Mã nhận dạng 16107

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CC_01**

Tổ Thi **003_DH19CC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD501**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13153219	Tôn Thất Thiện	DH13CD						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	18118142	Nguyễn Quang	DH18CK				7,0	5,0	6,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	18118162	Đỗ Văn Triệu	DH18CK				6,0	6,5	6,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
4	18118168	Cao Quang	DH18CK				7,5	7,0	7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
5	19118211	Trần Danh	DH19CC				5,0	3,0	4,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	19118213	Đặng Hồng	DH19CC				7,5	4,0	5,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
7	19118215	Trần Ngọc	DH19CC				4,5	5,0	4,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
8	19118233	Nguyễn Nam	DH19CC				4,0	4,5	4,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
9	19118238	Trần Minh	DH19CC				4,5	5,5	5,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	19118250	Huỳnh Trần Bảo	DH19CC				6,0	4,0	5,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	19118251	Trần Thị Thiên	DH19CC				7,0	5,0	6,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	19118254	Huỳnh Như	DH19CC				5,0	6,5	5,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
13	19118257	Trương Minh	DH19CK				1,0	4,5	2,8	○ 0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
14	19118272	Nguyễn Quốc	DH19CK				8,0	6,0	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	19118282	Nguyễn Quốc	DH19CK				4,0	5,0	4,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
16	19137065	Phạm Phước	DH19NL						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 16107

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CC_01**

Tổ Thi **003_DH19CC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD501**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154141	Nguyễn Quốc Thắng	DH19OT				60	60	60	0012345678910	0123456789
18	19154145	Hồ Phan Long	DH19OT				5,5	5,0	5,3	0012345678910	0123456789
19	19154164	Nguyễn Phước Tiến	DH19OT				20	50	3,5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____ Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

PGS.TS. Lê Anh Đức



Mã nhận dạng 16108

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CC_02**

Tổ Thi **001_DH19CC_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

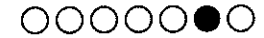
Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD403**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15153014	Nguyễn Phương	Duyệt	DH15CD					✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	17153011	Nguyễn Minh	Chiến	DH17CD			2,0	2,0	1,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	19118001	Dương Nguyễn Hoàng	Ân	DH19CC			5,0	6,0	5,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	19118003	Nguyễn Văn	Anh	DH19CC			6,0	5,5	5,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	19118005	Lương Thái	Ban	DH19CC			6,0	6,5	6,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	19118008	Lê Đình	Bảo	DH19CC			8,0	8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	19118017	Đỗ Tấn	Cảnh	DH19CC			5,0	6,0	5,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	19118026	Đinh Ngọc	Cường	DH19CC					✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	19118033	Lê Tiến	Đạt	DH19CC			5,0	3,0	4,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	19118035	Nguyễn Mai Quốc	Đạt	DH19CC			5,0	3,0	4,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	19118039	Bùi Ngọc	Điệp	DH19CC			4,0	4,0	4,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	19118046	Nguyễn Văn	Dương	DH19CC			5,0	0,0	2,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19118048	Dương Hoàng	Duy	DH19CC			6,5	3,5	5,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	19118055	Lê Tấn	Hải	DH19CC			7,5	8,5	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	19118059	Nguyễn Chí	Hào	DH19CC			7,0	5,0	6,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	19118060	Dương Trung	Hậu	DH19CC			7,5	8,5	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 16108

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CC_02**

Tổ Thi **001_DH19CC_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD403**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118067	Phạm Trung Hiếu	DH19CK				20	00	1,0	0000000000	0000000000
18	19118079	Trần Lê Phúc	DH19CC				70	70	7,0	0000000000	0000000000
19	19118084	Trần Trọng Hữu	DH19CC				70	70	7,0	0000000000	0000000000
20	19118093	Nguyễn Minh Huy	DH19CK				65	45	5,5	0000000000	0000000000
21	19118094	Nguyễn Nam Huy	DH19CC				45	60	5,3	0000000000	0000000000
22	19118102	Nguyễn Văn Khá	DH19CC				70	85	7,8	0000000000	0000000000
23	19118103	Mai Hoàng KHải	DH19CC				60	60	6,0	0000000000	0000000000
24	19118105	Lý Nhât Khang	DH19CC				65	50	5,8	0000000000	0000000000

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

PGS.TS. Lê Anh Đức

Ngày in : 24/01/2022

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Vẽ kỹ thuật 2(207139)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CC_02

Tổ Thi 002_DH19CC_02

Tên CBGD Nguyễn Thanh Phong

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi RD501

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118110	Lâm Hào Khôn	DH19CC				7,0	5,0	6,0	0012345678910	0123456789
2	19118115	Phù Thiết	DH19CC				6,5	✓	3,3	0012345678910	0123456789
3	19118117	Nguyễn Trường	DH19CC				1,0	✓	0,5	0012345678910	0123456789
4	19118122	Đinh Kỳ	DH19CC				5,5	5,5	5,5	0012345678910	0123456789
5	19118127	Nguyễn Bình	DH19CK				6,0	5,0	5,5	0012345678910	0123456789
6	19118129	Nguyễn Bá	DH19CK				6,5	5,5	6,0	0012345678910	0123456789
7	19118146	Thạch	DH19CC				5,5	7,5	6,5	0012345678910	0123456789
8	19118150	Nguyễn Hoài	DH19CC				5,0	3,0	4,0	0012345678910	0123456789
9	19118173	Bùi Trung	DH19CC				2,0	✓	1,0	0012345678910	0123456789
10	19118177	Nguyễn Trường	DH19CC				5,0	6,0	5,5	0012345678910	0123456789
11	19118182	Lê Đình	DH19CC				6,5	5,0	5,8	0012345678910	0123456789
12	19118187	Trương Quang	DH19CK				5,5	5,0	5,3	0012345678910	0123456789
13	19118191	Trương Thanh	DH19CK				7,5	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
14	19154079	Hồ Tuấn	DH19OT				5,5	8,0	6,8	0012345678910	0123456789
15	19154109	Dương Hoài	DH19OT				5,0	5,0	5,0	0012345678910	0123456789
16	19154119	Phạm Gia	DH19OT				7,0	7,0	7,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16109

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CC_02**

Tổ Thi **002_DH19CC_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD501**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154120	Lục Lưu Phước	DH19OT				6,0	7,5	6,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
18	19154125	Võ Anh Phương	DH19OT				5,0	4,5	4,8	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
19	19154126	Nguyễn Mạnh Quang	DH19OT				6,0	3,0	4,5	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

PGS.TS. Lê Anh Đức



Mã nhận dạng 16110

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CC_02**

Tổ Thi **003_DH19CC_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD201**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118113	Huỳnh Hữu Thúc	DH17CC						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	18153062	Nguyễn Ngọc Quynh	DH18CD				20	✓	1,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	19118224	Lâm Thanh Thiện	DH19CC				60	5,0	5,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	19118232	Ngô Kế Minh	DH19CK				40	4,5	4,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	19118235	Trần Thành Tiên	DH19CC				60	4,5	5,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	19118236	Phạm Vũ Nhật Tiến	DH19CC				60	5,5	5,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	19118243	Nguyễn Tấn Tịnh	DH19CC				50	4,5	4,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	19118244	Nguyễn Phúc Toái	DH19CC				6,5	7,0	6,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	19118258	Vũ Đình Trung	DH19CC				5,5	3,0	4,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	19118262	Thái Văn Trường	DH19CC				7,0	7,5	7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	19118269	Trần Nguyễn Đức Tuấn	DH19CC				3,0	6,0	4,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	19118279	Bùi Bá Vũ	DH19CC				4,5	6,0	5,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19118280	Nguyễn Hoàng Vũ	DH19CC				7,5	4,0	5,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	19118284	Lâm Tuấn Vỹ	DH19CC				5,5	8,5	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	19153071	Nguyễn Cao Thắng	DH19CD				40	60	5,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	19153074	Đào Minh Thành	DH19CD				50	5,5	5,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 16110

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CC_02**

Tổ Thi **003_DH19CC_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD201**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154128	Nguyễn Đình Quyết	DH19OT				60	40	50	0012345678910	0123456789
18	19154184	Nguyễn Thanh Tùng	DH19OT				40	40	40	0012345678910	0123456789
19	20154216	HUỖNH DUY TÂN	DH20OT				35	55	45	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

PGS.TS. Lê Anh Đức



Mã nhận dạng 16167

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19NL_03

Tổ Thi 001_DH19NL_03

Tên CBGD

Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 19/01/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi

RD404

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18137026	Huỳnh Đa Lộc	DH18NL				9	8	8,3	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
2	19118079	Trần Lê Phúc	DH19CC				9	7	7,6	○ ○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
3	19137004	Nguyễn Chí Bảo	DH19NL				9	8,5	8,7	○ ○ 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
4	19137005	Nguyễn Hữu Chấn	DH19NL				9	7	6,1	○ ○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ ● 2 3 4 5 6 7 8 9
5	19137006	Lê Ngô Chí	DH19NL				9	4	5,5	○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
6	19137007	Nguyễn Vương Chiến	DH19NL				9	4	5,5	○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
7	19137012	Nguyễn Văn Đàm	DH19NL				9	5	4,7	○ ○ 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
8	19137014	Trần Minh Đạt	DH19NL				7	4	4,4	○ ○ 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
9	19137017	Nguyễn Thanh Hải	DH19NL				9	7	7,6	○ ○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
10	19137018	Phạm Duy Hạnh	DH19NL				9	7	7,6	○ ○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
11	19137020	Nguyễn Trung Hậu	DH19NL				9	8	8,3	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
12	19137021	Phạm Công Hoàng	DH19NL				7	5	5,6	○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
13	19137022	Phạm Văn Trí Hùng	DH19NL				9	6	5,4	○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
14	19137023	Ngô Trần Hưng	DH19NL				9	7	6,1	○ ○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ ● 2 3 4 5 6 7 8 9
15	19137024	Bùi Ngô Gia Hữu	DH19NL				9	4	5,5	○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
16	19137027	Nguyễn Trần Gia Huy	DH19NL				9	8,5	5,2	○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ 1 ● 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 16167

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19NL_03

Tổ Thi 001_DH19NL_03

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 19/01/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD404

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19137032	Nguyễn Hoàng Khang	DH19NL				9	5	6,2	0012345●78910	01●3456789
18	19137033	Nguyễn Duy Khánh	DH19NL				9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
19	19137038	Phạm Đình Khởi	DH19NL				9	4	5,5	001234●678910	01234●6789
20	19137041	Nguyễn Phúc Lộc	DH19NL				9	3	4,8	00123●5678910	01234567●9
21	19137043	Phạm Nhật Nam	DH19NL				9	4	5,5	001234●678910	01234●6789
22	19137044	Nguyễn Hoàng Ngoan	DH19NL				9	8	8,3	001234567●910	012●456789
23	19154019	Hồ Lê Tuấn Danh	DH19OT				9	3	4,8	00123●5678910	01234567●9

Số sinh viên dự thi 23, Số sinh viên vắng 0..

Ngày 1 Tháng 3 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16168

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19NL_03

Tổ Thi 002_DH19NL_03

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 19/01/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD501

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154092	Chau Sô Phát	DH18OT				✓	✓	✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	18154124	Nguyễn Hữu Tín	DH18OT				7	7	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	19118198	Nguyễn Trường Sơn	DH19CK				0	2	1,4	○ 0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
4	19137045	Nguyễn Ngọc Hoàng Ngọc	DH19NL				✓	✓	✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	19137046	Nguyễn Phúc Nguyên	DH19NL				4	4	4,0	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	19137048	Hoàng Công Nhật	DH19NL				7	4	4,9	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
7	19137049	Đỗ Minh Phát	DH19NL				9	6	6,9	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
8	19137050	Trần Hoàng Phi	DH19NL				9	6	6,9	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
9	19137052	Hoàng Ngọc Nhật Quang	DH19NL				9	4	5,5	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
10	19137056	Trần Nguyễn Sang	DH19NL				4	5	4,7	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
11	19137057	Thái Đức Sơn	DH19NL				2	3	2,7	○ 0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
12	19137058	Cao Tấn Tài	DH19NL				4	✓	✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19137059	Hồ Anh Tài	DH19NL				7	4	4,9	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
14	19137060	Hoàng Nhân Tài	DH19NL				9	7	7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
15	19137065	Phạm Phước Thắng	DH19NL				4	3	3,3	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
16	19137068	Huỳnh Chí Thành	DH19NL				9	6	6,9	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●



Mã nhận dạng 16168

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19NL_03

Tổ Thi 002_DH19NL_03

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 19/01/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD501

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19137069	Nguyễn Công Thành	DH19NL				9	2	76	00123456●8910	012345●789
18	19137075	Lê Thanh Toàn	DH19NL				✓	✓	✓	●012345678910	0123456789
19	19137077	Bùi Thành Trung	DH19NL				4	3	3,3	0012●45678910	012●456789
20	19137082	Từ Trường Vũ	DH19NL				9	4	5,5	001234●678910	01234●6789

Số sinh viên dự thi 16 Số sinh viên vắng 5

Ngày 1 Tháng 3 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16224

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CD_03

Tổ Thi 001_DH19CD_03

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 20/02/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD504

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118047	Nguyễn Hữu Khang	DH17CK				9	4	5,5	0012345678910	0123456789
2	18118018	Nguyễn Võ Công Danh	DH18CK				10	10	10	0012345678910	0123456789
3	18153029	Trương Vĩnh Huy	DH18CD				10	4	4,8	0012345678910	0123456789
4	18154006	Phạm Tuấn Anh	DH18OT				6	3/4	4,2	0012345678910	0123456789
5	18154056	Cao Trung Kiên	DH18OT				9	4	5,5	0012345678910	0123456789
6	19118033	Lê Tiến Đạt	DH19CC				9	6	6,9	0012345678910	0123456789
7	19153001	Trần Phước An	DH19CD				9	7	7,6	0012345678910	0123456789
8	19153002	Nguyễn Đức Anh	DH19CD				8	4	5,2	0012345678910	0123456789
9	19153003	Vũ Văn Cường	DH19CD				9	5	6,2	0012345678910	0123456789
10	19153004	Nguyễn Hải Đăng	DH19CD				9	7	7,6	0012345678910	0123456789
11	19153007	Trương Quốc Đạt	DH19CD				9	5	6,2	0012345678910	0123456789
12	19153008	Ngô Trung Đình	DH19CD				9	6	6,9	0012345678910	0123456789
13	19153010	Nguyễn Ngọc Dương	DH19CD				9	8	8,3	0012345678910	0123456789
14	19153011	Huỳnh Cao Duy	DH19CD				9	8	8,3	0012345678910	0123456789
15	19153012	Lê Công Tiến Duy	DH19CD				9	7	7,6	0012345678910	0123456789
16	19153013	Nguyễn Võ Anh Duy	DH19CD				9	6	6,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16224

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CD_03

Tổ Thi 001_DH19CD_03

Tên CBGD

Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 20/02/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi

RD504

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19153014	Phạm Đình Duy	DH19CD				9	6	6,4	0012345678910	0123456789
18	19153015	Phan Nguyễn Minh Duy	DH19CD				9	8	8,3	0012345678910	0123456789
19	19153016	Mai Xuân Hải	DH19CD				9	5	6,2	0012345678910	0123456789
20	19153017	Nguyễn Thanh Hải	DH19CD				9	6	6,4	0012345678910	0123456789
21	19153019	Bùi Anh Hiếu	DH19CD				✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
22	19153020	Nguyễn Ngọc Hiếu	DH19CD				9	4	5,5	0012345678910	0123456789
23	19153021	Lê Phước Hoài	DH19CD				✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
24	19153026	Trần Quốc Huy	DH19CD				9	5	6,2	0012345678910	0123456789
25	19153029	Hoàng Cao Khải	DH19CD				9	5	6,2	0012345678910	0123456789
26	19153030	Nguyễn Duy Khang	DH19CD				9	7	7,6	0012345678910	0123456789
27	19153033	Mai Đăng Khoa	DH19CD				9	6	6,4	0012345678910	0123456789
28	19153034	Chu Trương Đăng Khôi	DH19CD				8	6	6,6	0012345678910	0123456789
29	19154070	Phan Văn Khang	DH19OT				2	4	3,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16224

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239) Số Tín Ch 3
Nhóm Thi DH19CD_03 Tổ Thi 001_DH19CD_03 Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến
Ngày Thi 20/02/2022 Giờ Thi 14:00 Phòng Thi RD504

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 21. Số sinh viên vắng 2....

Ngày 1 Tháng 3 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến

TS. Nguyễn Đức Khuyến



Mã nhận dạng 16225

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CD_03

Tổ Thi 002_DH19CD_03

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 20/02/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17154081	Phạm Trương Hồng Sơn	DH17OT				✓	✓	✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	18118120	Lê Tấn Tài	DH18CC				✓	✓	✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	18153062	Nguyễn Ngọc Quỳnh	DH18CD				✓	✓	✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	18154061	Chu Phú Lâm	DH18OT				9	4	5,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	19118177	Nguyễn Trường Phong	DH19CC				8	6	6,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	19153035	Lê Quang Kiên	DH19CD				9	6	6,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	19153036	Trần Anh Kiệt	DH19CD				9	8	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	19153039	Lê Văn Lộc	DH19CD				9	5	6,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	19153041	Đặng Sơn Minh	DH19CD				4	5	4,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	19153043	Lê Tấn Thương Minh	DH19CD				8	7	7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	19153044	Trần Văn Nam	DH19CD				9	6	6,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	19153048	Lý Thanh Nhân	DH19CD				9	6	6,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19153049	Võ Văn Nhất	DH19CD				9	6	6,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	19153053	Nguyễn Vương Nhật	DH19CD				9	4	5,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	19153056	Lê Văn Phong	DH19CD				8	4	5,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	19153057	Nguyễn Duy Phong	DH19CD				9	5	6,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 16225

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CD_03

Tổ Thi 002_DH19CD_03

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 20/02/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19153058	Cao Thành Phú	DH19CD				9	4	5,5	001234●678910	01234●6789
18	19153061	Nguyễn Hồng Phúc	DH19CD				9	4	5,5	001234●678910	01234●6789
19	19153062	Trần Nguyên Anh	DH19CD				✓	✓	✓	●012345678910	0123456789
20	19153063	Lăng Hồng Quân	DH19CD				9	4	5,5	001234●678910	01234●6789
21	19153064	Lê Hữu Quý	DH19CD				9	5	6,2	0012345●78910	01●3456789
22	19153065	Lê Văn Quý	DH19CD				9	4	5,5	001234●678910	01234●6789
23	19153066	Nguyễn Trần Sang	DH19CD				9	5	6,2	0012345●78910	01●3456789

Số sinh viên dự thi 16 Số sinh viên vắng 1

Ngày 1 Tháng 3 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16226

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CD_03

Tổ Thi 003_DH19CD_03

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 20/02/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD406

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118138	Đặng Đoàn Minh	Thi	DH18CK			9	8	7,6	00123456●8910	012345●789
2	18118144	Trần Phước	Thịnh	DH18CK			9	6	6,9	0012345●78910	012345678●
3	18118175	Nguyễn Văn Minh	Tuấn	DH18CK			8	7	7,0	00123456●8910	●123456789
4	18153064	Đoàn Văn	Tân	DH18CD			9	4	5,5	001234●678910	01234●6789
5	18153082	Hà Minh	Tùng	DH18CD			4	4	4,0	00123●5678910	●123456789
6	18154131	Nguyễn Tài	Tuệ	DH18OT			9	4	5,5	001234●678910	01234●6789
7	19153068	Huỳnh Văn	TÂN	DH19CD			5	6	5,8	001234●678910	0123456●89
8	19153070	Trương Văn	Thái	DH19CD			0	4	4,8	001●345678910	01234567●9
9	19153071	Nguyễn Cao	Thắng	DH19CD			9	6	6,9	0012345●78910	012345678●
10	19153073	Nguyễn Tuấn	Thanh	DH19CD			8	5	5,9	001234●678910	012345678●
11	19153074	Đào Minh	Thành	DH19CD			9	6	6,9	0012345●78910	012345678●
12	19153075	Nguyễn Tấn	Thành	DH19CD			9	5	6,2	0012345●78910	01●3456789
13	19153077	Nguyễn Gia	Thịnh	DH19CD			✓	✓	✓	●012345678910	0123456789
14	19153078	Nguyễn Hưng	Thịnh	DH19CD			4	5	4,8	00123●5678910	0123456●89
15	19153079	Hoàng	Thông	DH19CD			9	5	6,2	0012345●78910	01●3456789
16	19153080	Kiều	Thuy	DH19CD			9	4	5,5	001234●678910	01234●6789



Mã nhận dạng 16226

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CD_03

Tổ Thi 003_DH19CD_03

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 20/02/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD406

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19153081	Bùi Quang Tiến	DH19CD				2	5	4,1	0012345678910	0123456789
18	19153082	Nguyễn Công Quyết	DH19CD				8	5	5,9	0012345678910	0123456789
19	19153083	Giáp Trung Tín	DH19CD				6	6	6,0	0012345678910	0123456789
20	19153086	Tạ Thị Ngọc Trinh	DH19CD				9	6	6,9	0012345678910	0123456789
21	19153087	Đặng Nguyễn Thành	DH19CD				8	4	5,2	0012345678910	0123456789
22	19153089	Phạm Lê Tấn Trường	DH19CD				✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
23	19153090	Mai Lê Tú	DH19CD				6	5	5,3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 24. Số sinh viên vắng 2.

Ngày 1 Tháng 3 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Ngày in : 24/01/2022

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17153006	Nguyễn Tuấn Bảo	DH17CD				9	4	5,5	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
2	17154029	Phan Thanh Hiếu	DH17OT				4	5	4,7	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
3	18118043	Nguyễn Ngọc Hòa	DH18CK				9	6	6,9	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
4	18118044	Tổng An Hoài	DH18CK				9	8	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
5	18118051	Bùi Huynh	DH18CK				9	8	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
6	18118060	Trần Bá Khoa	DH18CK				6	7	6,1	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
7	18118074	Nguyễn Phi Long	DH18CK				9	8	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
8	19118067	Phạm Trung Hiếu	DH19CK				✓	✓	✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	19154003	Vũ Xuân Bách	DH19OT				3	5	4,4	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
10	19154006	Lê Nguyễn Thái Bình	DH19OT				2	6	4,8	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
11	19154023	Nguyễn Tấn Dầu	DH19OT				9	6	6,9	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
12	19154026	Ngô Huỳnh Đức	DH19OT				3	5	4,4	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
13	19154028	Nguyễn Văn Đức	DH19OT				9	5	6,2	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
14	19154043	Nguyễn Thái Hiền	DH19OT				9	5	6,2	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
15	19154044	Nguyễn Đỗ Trọng Hiệp	DH19OT				9	8	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
16	19154046	Phạm Quang Hiếu	DH19OT				6	5	5,3	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154049	Trần Văn Hòa	DH19OT				9	6	6,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
18	19154051	Lê Quang Hoàng	DH19OT				3	6	5,1	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
19	19154059	Nguyễn Ngô Nhật	DH19OT				9	7	7,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
20	19154060	Trần Quang Huy	DH19OT				9	7	7,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
21	19154064	Huỳnh Quang Khải	DH19OT				9	7	7,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
22	19154065	Diệp Vĩ Khang	DH19OT				9	7	7,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
23	19154066	Đoàn Duy Khang	DH19OT				9	8	8,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
24	19154069	Phạm Đỗ Bảo	DH19OT				✓	✓	✓	● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
25	19154076	Trần Anh Khoa	DH19OT				8	7	5,5	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
26	19154078	Đoàn Thế Kiệt	DH19OT				9	7	7,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
27	19154081	Trương Bảo Lam	DH19OT				✓	✓	✓	● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
28	19154087	Nguyễn Minh Lộc	DH19OT				9	5	6,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
29	19154089	Trần Đức Lợi	DH19OT				7	6	6,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
30	19154090	Tr[anh Đình Vũ	DH19OT				9	5	6,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 16227

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239) Số Tín Ch 3
Nhóm Thi DH19OT_04 Tổ Thi 001_DH19OT_04 Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến
Ngày Thi 20/02/2022 Giờ Thi 14:00 Phòng Thi RD401

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi ... Số sinh viên vắng ...

Ngày 1 Tháng 2 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến

TS. Nguyễn Đức Khuyến



Mã nhận dạng 16228

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_04

Tổ Thi 002_DH19OT_04

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 20/02/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD404

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118082	Nguyễn Đình Minh	DH18CK				9	5	6,2	0012345●78910	01●3456789
2	18118104	Nguyễn Thanh Phi	DH18CK				9	6	6,9	0012345●78910	012345678●
3	18118109	Nguyễn Huỳnh Phúc	DH18CK				9	6	6,9	0012345●78910	012345678●
4	19118158	Lê Hoàng Minh Ngọc	DH19CK				✓	✓	✓	●012345678910	0123456789
5	19130141	Phạm Hoàng Nam	DH19OT				6	6	6,0	0012345●78910	●123456789
6	19154096	Nguyễn Hà Phương Nam	DH19OT				7	5	5,6	0012345●678910	012345●789
7	19154097	Nguyễn Hoàng Nam	DH19OT				9	5	6,2	0012345●78910	01●3456789
8	19154104	Trần Thanh Nguyễn	DH19OT				9	10	9,7	0012345678●10	0123456●89
9	19154106	Dương Hoài Nhân	DH19OT				9	5	6,2	0012345●78910	01●3456789
10	19154107	Đinh Minh Nhật	DH19OT				9	5	6,2	0012345●78910	01●3456789
11	19154109	Dương Hoài Nhị	DH19OT				9	4	5,5	0012345●678910	01234●6789
12	19154110	Huỳnh Đức Nhuận	DH19OT				2	3	2,7	001●345678910	0123456●89
13	19154112	Nguyễn Phan Huỳnh Nhựt	DH19OT				9	6	6,9	0012345●78910	012345678●
14	19154114	Hồ Thanh Phú	DH19OT				9	4	5,5	0012345●678910	01234●6789
15	19154118	Não Hoài Phúc	DH19OT				✓	✓	✓	●012345678910	0123456789
16	19154119	Phạm Gia Phúc	DH19OT				7	6	6,3	0012345●78910	012●456789



Mã nhận dạng 16228

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_04

Tổ Thi 002_DH19OT_04

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 20/02/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD404

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154122	Trần Lê Hữu Phước	DH19OT				9	5	6,2	0012345●78910	01●3456789
18	19154125	Võ Anh Phương	DH19OT				9	4	5,5	001234●678910	01234●6789
19	19154128	Nguyễn Đình Quyết	DH19OT				8	4	5,2	001234●678910	01●3456789
20	19154134	Nguyễn Văn Tài	DH19OT				9	4	5,5	001234●678910	01234●6789
21	19154137	Huỳnh Anh Tấn	DH19OT				9	6	6,9	0012345●78910	012345678●
22	19154145	Hồ Phan Long Thành	DH19OT				7	6	6,3	0012345●78910	012●456789
23	19154146	Lê Thiện Thành	DH19OT				8	5	5,9	001234●678910	012345678●

Số sinh viên dự thi ...2... Số sinh viên vắng ...2...

Ngày 1 Tháng 2 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16229

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_04

Tổ Thi 003_DH19OT_04

Tên CBGD

Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 20/02/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi

RD403

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118140	Nguyễn Ngọc Thiện	DH18CK				9	6	6,9	0012345●78910	012345678●
2	18118145	Huỳnh Hữu Thọ	DH18CK				9	6	6,9	0012345●78910	012345678●
3	18118181	Vũ Ngọc Tuyên	DH18CK				6	6	6,0	0012345●78910	●123456789
4	18118184	Tô Đức Vinh	DH18CK				9	6	6,9	0012345●78910	012345678●
5	19118265	Dương Hữu Tuấn	DH19CC				✓	✓	✓	●012345678910	0123456789
6	19154147	Lê Văn Thành	DH19OT				9	6	6,9	0012345●78910	012345678●
7	19154150	Phạm Minh Thành	DH19OT				9	5	7,6	00123456●8910	012345●789
8	19154151	Trần Trí Thành	DH19OT				9	5	6,2	0012345●78910	01●3456789
9	19154164	Nguyễn Phước Tiến	DH19OT				8	6	6,6	0012345●78910	012345●789
10	19154168	Lê Chánh Tính	DH19OT				9	6	6,9	0012345●78910	012345678●
11	19154170	Hoàng Ngọc Tinh	DH19OT				9	6	6,9	0012345●78910	012345678●
12	19154171	Lý Ngọc Toàn	DH19OT				9	5	6,9	0012345●78910	012345678●
13	19154173	Trần Hải Triều	DH19OT				7	5	6,3	0012345●78910	012●456789
14	19154174	Nguyễn Văn Triệu	DH19OT				9	5	6,2	0012345●78910	01●3456789
15	19154176	Nguyễn Lập Trường	DH19OT				9	5	6,2	0012345●78910	01●3456789
16	19154177	Nguyễn Nguyên Trường	DH19OT				9	5	6,2	0012345●78910	01●3456789



Mã nhận dạng 16229

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_04

Tổ Thi

003_DH19OT_04

Tên CBGD

Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 20/02/2022

Giờ Thi

14:00

Phòng Thi

RD403

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154179	Lê Bá Tuấn	DH19OT				9	5	6,2	0012345●78910	01●3456789
18	19154180	Nguyễn Hữu Tuấn	DH19OT				8	5	8,9	001234●678910	012345678●
19	19154182	Đoàn Phạm Thanh Tùng	DH19OT				3	5	4,4	00123●5678910	0123●56789
20	19154185	Trần Lâm Tùng	DH19OT				9	4	5,5	001234●678910	01234●6789
21	19154186	Trần Hồng Tường	DH19OT				9	8	8,3	001234567●910	012●456789
22	19154187	Nguyễn Hoàng Văn	DH19OT				9	5	6,2	0012345●78910	01●3456789
23	19154190	Phạm Trương Quốc Việt	DH19OT				9	6	6,9	0012345●78910	012345678●
24	19154900	Nguyễn Huy Toàn	DH19OT				9	5	6,2	0012345●78910	01●3456789

Số sinh viên dự thi 22. Số sinh viên vắng 4...

Ngày 1 Tháng 3 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16230

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_05

Tổ Thi 001_DH19OT_05

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 20/02/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD504

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154002	Trương Hoàng Anh	DH19OT				9	5	6,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	19154005	Nguyễn Thái Bảo	DH19OT				9	6	6,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
3	19154007	Nguyễn Văn Bình	DH19OT				9	6	6,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
4	19154009	Nguyễn Xuân Cảnh	DH19OT				9	2	4,1	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	19154012	Nguyễn Minh Chiến	DH19OT				9	7	7,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
6	19154014	Vũ Thành Công	DH19OT				✓	✓	✓	● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	19154015	Huỳnh Mạnh Cường	DH19OT				9	5	6,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	19154017	Võ Quốc Đại	DH19OT				9	5	6,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	19154020	Nguyễn Công Danh	DH19OT				9	6	6,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
10	19154021	Nguyễn Ngọc Danh	DH19OT				9	4	5,5	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	19154022	Nguyễn Xuân Đạo	DH19OT				8	7	7,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	19154024	Võ Văn Đô	DH19OT				9	4	5,5	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	19154027	Nguyễn Hoài Đức	DH19OT				9	4	5,5	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	19154029	Nguyễn Việt Đức	DH19OT				9	7	7,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
15	19154031	Phạm Tùng Dương	DH19OT				9	5	6,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	19154032	Võ Trung Dương	DH19OT				9	8	8,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 16230

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_05

Tổ Thi 001_DH19OT_05

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 20/02/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD504

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154033	Nguyễn Đức Duy	DH19OT				9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
18	19154036	Đặng Bảo Hân	DH19OT				4	5	4,8	00123●5678910	0123456●789
19	19154037	Nguyễn Phan Trường Hân	DH19OT				9	6	6,9	0012345●78910	012345678●
20	19154038	Huỳnh Đạo Hạnh	DH19OT				9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
21	19154040	Đào Công Hậu	DH19OT				9	6	6,9	0012345●78910	012345678●
22	19154041	Đào Đức Hiền	DH19OT				6	6	6,0	0012345●78910	●123456789
23	19154047	Văn Công Hoà	DH19OT				8	4	5,2	001234●678910	01●3456789
24	19154048	Trần Hòa	DH19OT				9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
25	19154050	Hà Ngọc Quốc Hoàng	DH19OT				7	4	5,5	001234●678910	01234●6789
26	19154053	Đoàn Phi Hùng	DH19OT				9	5	6,2	0012345●78910	01●3456789
27	19154055	Bùi Phước Hưng	DH19OT				9	4	5,5	001234●678910	01234●6789
28	19154061	Trần Quang Huy	DH19OT				9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
29	19154062	Trần Quốc Huy	DH19OT				9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
30	19154063	Trịnh Nhật Huy	DH19OT				9	7	7,6	00123456●8910	012345●789



Mã nhận dạng 16230

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Cơ sở truyền nhiệt(207239)** Số Tín Ch **3**
Nhóm Thi **DH19OT_05** Tổ Thi **001_DH19OT_05** Tên CBGD **Nguyễn Đức Khuyến**
Ngày Thi **20/02/2022** Giờ Thi **10:30** Phòng Thi **RD504**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 24 Số sinh viên vắng 1....

Ngày 1 Tháng 3 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

TS. Nguyễn Đức Khuyến

(Stamps and additional signatures)

TS. Nguyễn Đức Khuyến

(Stamps and additional signatures)



Mã nhận dạng 16231

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_05

Tổ Thi 002_DH19OT_05

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 20/02/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD200

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154056	Nguyễn Hải Hưng	DH19OT				9	6	6,9	0012345●78910	012345678●
2	19154068	Nguyễn Hồ Bảo Khang	DH19OT				✓	✓	✓	●012345678910	0123456789
3	19154071	Võ Minh Khang	DH19OT				9	4	5,5	0012344●678910	012344●6789
4	19154072	Hồ Trường Quốc Khánh	DH19OT				9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
5	19154073	Nguyễn Duy Khánh	DH19OT				9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
6	19154074	Trần Công Khánh	DH19OT				9	6	6,9	0012345●78910	012345678●
7	19154075	Nguyễn Hoàng Đăng Khoa	DH19OT				✓	✓	✓	●012345678910	0123456789
8	19154077	Trương Đăng Khoa	DH19OT				9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
9	19154079	Hồ Tuấn Kiệt	DH19OT				9	6	6,9	0012345●78910	012345678●
10	19154082	Đặng Quang Lâm	DH19OT				0	4	2,8	001●345678910	01234567●9
11	19154088	Phạm Đức Lộc	DH19OT				9	8	8,3	001234567●910	012●456789
12	19154092	Trần Đức Mạnh	DH19OT				9	5	6,2	0012345●78910	01●3456789
13	19154093	Nguyễn Lê Anh Minh	DH19OT				9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
14	19154095	Nguyễn Xuân Minh	DH19OT				9	4	5,5	0012344●678910	012344●6789
15	19154099	Nguyễn Trọng Nghĩa	DH19OT				9	4	5,5	0012344●678910	012344●6789
16	19154100	Trần Hoàng Nghiêm	DH19OT				9	7	7,6	00123456●8910	●123456789



Mã nhận dạng 16231

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_05

Tổ Thi

002_DH19OT_05

Tên CBGD

Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 20/02/2022

Giờ Thi

10:30

Phòng Thi

RD200

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154102	Nguyễn Cao	Nguyên	DH19OT			✓	✓	✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	19154108	Trương Minh	Nhật	DH19OT			9	4	5,5	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
19	19154120	Lục Lưu	Phước	DH19OT			9	4	5,5	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
20	19154123	Phạm Minh	Phương	DH19OT			9	5	6,2	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
21	19154126	Nguyễn Mạnh	Quang	DH19OT			9	4	5,5	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
22	19154127	Nguyễn Văn	Quý	DH19OT			9	6	6,9	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
23	19154129	Phạm Ngọc	Sang	DH19OT			9	3	4,8	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
24	19154130	Trần Huỳnh Ngọc	Sang	DH19OT			9	3	4,8	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
25	19154131	Lê Hoàng	Sơn	DH19OT			9	4	5,5	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
26	19154132	Nguyễn Văn	Sỹ	DH19OT			9	6	6,9	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
27	19154136	Phạm Văn	Tân	DH19OT			9	5	6,2	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
28	19154139	Dương Bảo	Thái	DH19OT			9	4	5,5	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
29	19154140	Nguyễn Quốc	Thái	DH19OT			9	4	5,5	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
30	19154142	Nguyễn Bảo	Thanh	DH19OT			9	3	4,8	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9



Mã nhận dạng 16231

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_05

Tổ Thi 002_DH19OT_05

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 20/02/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD200

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi ... Số sinh viên vắng ...

Ngày 1 Tháng 5 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến

TS. Nguyễn Đức Khuyến



Mã nhận dạng 16232

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_05

Tổ Thi 003_DH19OT_05

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 20/02/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD100

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17154100	Nguyễn Phước Thuận	DH17OT				9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
2	19154141	Nguyễn Quốc Thắng	DH19OT				9	4	5,5	001234●678910	01234●6789
3	19154143	Chu Chí Thành	DH19OT				8	7	7,3	00123456●8910	012●456789
4	19154148	Lương Tất Thành	DH19OT				9	5	6,2	0012345●78910	01●3456789
5	19154157	Chu Thánh Thiện	DH19OT				9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
6	19154158	Trần Hữu Thiện	DH19OT				9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
7	19154159	Nguyễn Thanh Thông	DH19OT				9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
8	19154161	Lâm Gia Thuận	DH19OT				8	7	7,3	00123456●8910	012●456789
9	19154162	Son Minh Thuận	DH19OT				8	5	5,9	001234●678910	012345678●
10	19154166	Huỳnh Công Tín	DH19OT				9	4	5,5	001234●678910	01234●6789
11	19154167	Nguyễn Hữu Tín	DH19OT				9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
12	19154169	Nguyễn Trọng Tính	DH19OT				4	4	4,0	00123●5678910	●123456789
13	19154172	Nguyễn Tiến Triều	DH19OT				9	4	5,5	001234●678910	01234●6789
14	19154184	Nguyễn Thanh Tùng	DH19OT				8	4	5,2	001234●678910	01●3456789
15	19154189	Nguyễn Nho Việt	DH19OT				8	4	5,2	001234●678910	01●3456789
16	19154191	Trương Quốc Việt	DH19OT				9	4	5,5	001234●678910	01234●6789



Mã nhận dạng 16232

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_05

Tổ Thi 003_DH19OT_05

Tên CBGD

Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 20/02/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi

RD100

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154192	Dương Thế Vinh	DH19OT				5	6	5,8	0012345678910	0123456789
18	19154195	Nguyễn Ngọc Vinh	DH19OT				9	7	7,6	0012345678910	0123456789
19	19154196	Thạch Thanh Vũ	DH19OT				9	5	6,2	0012345678910	0123456789
20	19154197	Trần Thế Vỹ	DH19OT				9	7	7,6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 9. Số sinh viên vắng ...0.

Ngày 1 Tháng 5 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến

TS. Nguyễn Đức Khuyến



Mã nhận dạng 16236

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207300)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi 001_DH19CC_01

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD205

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118001	Dương Nguyễn Hoàng Ân	DH19CC				7	8	7,7	0012345678910	0123456789
2	19118003	Nguyễn Văn Anh	DH19CC				7	8	7,0	0012345678910	0123456789
3	19118005	Lương Thái Ban	DH19CC				7	5	5,6	0012345678910	0123456789
4	19118008	Lê Đình Bảo	DH19CC				9	6	6,9	0012345678910	0123456789
5	19118012	Nguyễn Ngọc Quốc Bảo	DH19CC				9	6	6,9	0012345678910	0123456789
6	19118013	Nguyễn Tiểu Bảo	DH19CC				7	4	4,9	0012345678910	0123456789
7	19118017	Đỗ Tấn Cảnh	DH19CC				9	7	7,6	0012345678910	0123456789
8	19118018	Lê Minh Cảnh	DH19CC				9	7	7,6	0012345678910	0123456789
9	19118020	Nguyễn Đoàn Công Chiến	DH19CC				9	5,5	6,6	0012345678910	0123456789
10	19118024	Đậu Thành Công	DH19CC				9	5	6,2	0012345678910	0123456789
11	19118026	Đinh Ngọc Cường	DH19CC				9	7	7,6	0012345678910	0123456789
12	19118032	Trần Tiến Đạo	DH19CC				9	7	7,6	0012345678910	0123456789
13	19118033	Lê Tiến Đạt	DH19CC				9	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
14	19118035	Nguyễn Mai Quốc Đạt	DH19CC				7	7	7,0	0012345678910	0123456789
15	19118036	Nguyễn Thành Đạt	DH19CC				4	✓	✓	0012345678910	0123456789
16	19118037	Phạm Thế Đạt	DH19CC				9	7	7,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16236

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207300)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi 001_DH19CC_01

Tên CBGD

Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi

RD205

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118039	Bùi Ngọc	Điện	DH19CC			9	8	8,3	001234567●910	012●456789
18	19118041	K'	Đông	DH19CC			7	7	7,0	00123456●8910	●123456789
19	19118043	Huỳnh Quốc	Dũng	DH19CC			9	8	8,3	001234567●910	012●456789
20	19118048	Dương Hoàng	Duy	DH19CC			9	8,5	8,7	001234567●910	0123456●89
21	19118049	Huỳnh Khánh	Duy	DH19CC			7	6	6,3	0012345●78910	012●456789
22	19118051	Phan Phúc	Duy	DH19CC			9	5	6,2	0012345●78910	01●3456789
23	19118057	Huỳnh Gia	Hào	DH19CC			9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
24	19118059	Nguyễn Chí	Hào	DH19CC			9	7	7,6	00123456●8910	012345●789

Số sinh viên dự thi ... Số sinh viên vắng ...

Ngày 1 Tháng 2 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16237

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207300)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi 002_DH19CC_01

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD306

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118071	Huỳnh Quốc Long	DH18CK				9	9	9.0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	19118060	Dương Trung HẬU	DH19CC				9	8.5	8.8	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
3	19118061	Lê Lý HẬU	DH19CC				9	8	8.3	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
4	19118072	Lăng Ngọc Hoàng	DH19CK				7	6	6.3	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
5	19118079	Trần Lê Phúc HỘI	DH19CC				9	6	6.9	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧●
6	19118082	Nguyễn Cao Hưng	DH19CC				8	6	6.6	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤●⑦⑧⑨
7	19118084	Trần Trọng Hữu	DH19CC				9	7	7.6	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤●⑦⑧⑨
8	19118085	Đặng Minh Huy	DH19CC				9	8	8.3	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
9	19118087	Đỗ Quốc Huy	DH19CC				9	7	7.6	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤●⑦⑧⑨
10	19118094	Nguyễn Nam Huy	DH19CC				9	6.5	7.3	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
11	19118101	Lê Duy Kha	DH19CC				9	8	8.3	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
12	19118102	Nguyễn Văn Khá	DH19CC				9	8	8.5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
13	19118103	Mai Hoàng KHải	DH19CC				7	6	6.3	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
14	19118104	Nguyễn Chí KHải	DH19CC				7	5	6.2	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	19118105	Lý Nhứt Khang	DH19CC				7	7	7.0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	19118107	Phạm Vĩnh Khang	DH19CC				7	6	6.3	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 16237

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207300)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi 002_DH19CC_01

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD306

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118110	Lâm Hào	Khôn	DH19CC			9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
18	19118115	Phù Thiết	Ki	DH19CC			7	V	V	●012345678910	0123456789
19	19118116	Lâm Văn	La	DH19CC			9	8	8,5	001234567●910	012●456789
20	19118117	Nguyễn Trường	Lâm	DH19CC			9	5,5	6,6	0012345●78910	012345●789
21	19118122	Đinh Kỳ	Linh	DH19CC			9	8,5	8,0	001234567●910	●123456789
22	19118131	Lê Hoàng	Long	DH19CC			9	8,5	8,7	001234567●910	0123456●89
23	19118133	Trần Hữu Khánh	Luân	DH19CC			9	8	8,3	001234567●910	012●456789
24	19118134	Lý Kim	Luân	DH19CC			7	8	7,7	00123456●8910	0123456●89

Số sinh viên dự thi 12, Số sinh viên vắng ...

Ngày 1 Tháng 3 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16238

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Anh văn kỹ thuật(207300)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CC_01**

Tổ Thi **003_DH19CC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Đức Khuyến**

Ngày Thi **18/01/2022**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi **RD304**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118084	Đỗ Hữu Phước	DH17CC				9	6,5	3,3	00123456●8910	012●456789
2	19118135	Trần Hữu Luân	DH19CC				7	8	7,7	00123456●8910	0123456●89
3	19118139	Đinh Minh Mẫn	DH19CC				9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
4	19118140	Nguyễn Hoàng Mạnh	DH19CC				9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
5	19118145	Nguyễn Văn Minh	DH19CC				9	8,5	8,0	001234567●910	●123456789
6	19118146	Thạch Minh	DH19CC				9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
7	19118154	Phạm Minh Nghĩa	DH19CC				9	8,5	8,0	001234567●910	●123456789
8	19118159	Đinh Quang Nguyên	DH19CC				0	5	3,5	0012●45678910	01234●6789
9	19118160	Trần Bá Nguyên	DH19CC				7	8	7,7	00123456●8910	0123456●89
10	19118161	Lê Dương Thiện Nhân	DH19CC				9	✓	✓	●012345678910	0123456789
11	19118162	Nguyễn Duy Trọng Nhân	DH19CC				7	✓	✓	●012345678910	0123456789
12	19118167	Phạm Thế Nhật	DH19CK				9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
13	19118170	Nguyễn Hoàng Ninh	DH19CC				9	8	8,3	001234567●910	012●456789
14	19118173	Bùi Trung Phong	DH19CC				7	8	7,7	00123456●8910	0123456●89
15	19118178	Phạm Hoàng Phong	DH19CC				7	✓	✓	●012345678910	0123456789
16	19118179	Nguyễn Lê Phú	DH19CC				9	8	8,3	001234567●910	012●456789



Mã nhận dạng 16238

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207300)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi 003_DH19CC_01

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD304

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118182	Lê Đình Phước	DH19CC				9	65	73	00123456●8910	012●456789
18	19118188	Bùi Nguyễn Quang	DH19CC				9	7	76	00123456●8910	012345●789
19	19118191	Trương Thanh Quí	DH19CK				8	7	73	00123456●8910	012●456789
20	19118198	Nguyễn Trường Sơn	DH19CK				9	7	76	00123456●8910	012345●789
21	19118202	Nguyễn Minh Tâm	DH19CC				9	✓	✓	●012345678910	0123456789
22	19118213	Đặng Hồng Thanh	DH19CC				9	78	80	001234567●910	●123456789
23	19118215	Trần Ngọc Thanh	DH19CC				9	78	83	001234567●910	012●456789

Số sinh viên dự thi 14 Số sinh viên vắng 0f..

Ngày 1 Tháng 3 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến

TS. Nguyễn Đức Khuyến



Mã nhận dạng 16239

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Anh văn kỹ thuật(207300)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH19CC_01**

Tổ Thi **004_DH19CC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Đức Khuyến**

Ngày Thi **18/01/2022**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi **RD301**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118144	Trần Phước Thịnh	DH18CK				7	8	77	00123456●8910	0123456●89
2	19118211	Trần Danh Thắng	DH19CC				9	7	76	00123456●8910	012345●789
3	19118217	Phan Trung Thành	DH19CC				9	7	55	001234●678910	01234●6789
4	19118224	Lâm Thanh Thiện	DH19CC				7	7	70	00123456●8910	●123456789
5	19118230	Nguyễn Thị Anh Thư	DH19CC				9	8	83	001234567●910	012●456789
6	19118233	Nguyễn Nam Thuận	DH19CC				7	7	70	00123456●8910	●123456789
7	19118235	Trần Thành Tiên	DH19CC				9	7	76	00123456●8910	012345●789
8	19118236	Phạm Vũ Nhật Tiến	DH19CC				9	7	76	00123456●8910	012345●789
9	19118238	Trần Minh Tiến	DH19CC				7	6	63	0012345●78910	012●456789
10	19118243	Nguyễn Tấn Tịnh	DH19CC				8	7	73	00123456●8910	012●456789
11	19118244	Nguyễn Phúc Toại	DH19CC				9	6	69	0012345●78910	012345678●
12	19118245	Nguyễn Văn Toán	DH19CC				9	7	76	00123456●8910	012345●789
13	19118246	Nguyễn Văn Toàn	DH19CC				6	65	58	001234●678910	01234567●9
14	19118247	Trương Hữu Toàn	DH19CC				9	75	8	001234567●910	●123456789



Mã nhận dạng 16239

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207300)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi 004_DH19CC_01

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi ... Số sinh viên vắng ...

Ngày 1 Tháng 5 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến

TS. Nguyễn Đức Khuyến



Mã nhận dạng 16240

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Anh văn kỹ thuật(207300)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CC_01**

Tổ Thi **005_DH19CC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Đức Khuyến**

Ngày Thi **18/01/2022**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi **RD202**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16138093	Trần Quốc Việt	DH16TD				9	4	5,5	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
2	19118250	Huỳnh Trần Bảo	DH19CC				9	7	7,6	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
3	19118251	Trần Thị Thiên	DH19CC				9	8	8,3	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
4	19118254	Huỳnh Như	DH19CC				9	8	8,3	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
5	19118258	Vũ Đình	DH19CC				9	8	8,3	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
6	19118260	Nguyễn Nhật	DH19CC				9	6	6,9	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
7	19118262	Thái Văn	DH19CC				9	8	8,3	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
8	19118263	Võ Văn	DH19CC				9	6	6,9	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
9	19118265	Dương Hữu	DH19CC				✓	✓	✓	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	19118272	Nguyễn Quốc	DH19CK				7	8	7,7	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
11	19118278	Phan Văn	DH19CC				7	3	4,2	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	19118279	Bùi Bá	DH19CC				7	8	7,7	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
13	19118280	Nguyễn Hoàng	DH19CC				7	8	7,7	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
14	19118285	Phạm Huỳnh Phúc	DH19CC				9	6	6,9	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●



Mã nhận dạng 16240

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207300)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi 005_DH19CC_01

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD202

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	------	------	----------	-------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi ... Số sinh viên vắng ...

Ngày 1 Tháng 3 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến

TS. Nguyễn Đức Khuyến



Mã nhận dạng 00470

Trang 1/6

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập xí nghiệp (207727) - 01

CBGD: Bùi Công Hanh (CK011)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	17154002	Lê Bảo Anh	DH17OT			9		10	9,5	0012345678910	0123456789
2	17154003	Lê Đức Anh	DH17OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
3	17154004	Nguyễn Ngọc Đoan Anh	DH17OT			8		10	9	0012345678910	0123456789
4	17154005	Nguyễn Hoài Bảo	DH17OT			8		10	9	0012345678910	0123456789
5	17154006	Nguyễn Lê Quỳnh Châu	DH17OT			8		8	8	0012345678910	0123456789
6	17154007	Nguyễn Tấn Chí	DH17OT			8		10	9	0012345678910	0123456789
7	17154009	Nguyễn Thành Công	DH17OT			8,5		7,5	8	0012345678910	0123456789
8	17154022	Đinh Nguyễn Đình Duy	DH17OT			9		8	8,5	0012345678910	0123456789
9	17154018	Trần Thế Dư	DH17OT			9		10	9,5	0012345678910	0123456789
10	17154011	Đặng Thành Đạt	DH17OT			9		10	9,5	0012345678910	0123456789
11	17154012	Nguyễn Quân Đạt	DH17OT			8		8	8	0012345678910	0123456789
12	17154013	Phạm Thành Đạt	DH17OT			8		10	9	0012345678910	0123456789
13	17154014	Trần Văn Đạt	DH17OT			9		10	9,5	0012345678910	0123456789
14	17154015	Hồ Thanh Điền	DH17OT			9		8	8,5	0012345678910	0123456789
15	17154016	Nguyễn Khoa Điền	DH17OT			8		10	9	0012345678910	0123456789
16	17154017	Nguyễn Thành Đô	DH17OT			8		10	9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00470

Trang 2/6

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập xí nghiệp (207727) - 01

CBGD: Bùi Công Hanh (CK011)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17154019	Nguyễn Hữu Đức	DH17OT			8		8	8	0012345678910	0123456789
18	17154021	Trần Minh Đức	DH17OT			9,5		9,5	9,5	0012345678910	0123456789
19	17154023	Nguyễn Hoàng Trường	DH17OT			9		10	9,5	0012345678910	0123456789
20	17154024	Phạm Văn Giàu	DH17OT			9		8	8,5	0012345678910	0123456789
21	19154035	Trần Hoàng Hà	DH19OT			8		8	8	0012345678910	0123456789
22	17154025	Hồ Việt Hải	DH17OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
23	17154026	Tiết Huỳnh Ngọc Hải	DH17OT			9		10	9,5	0012345678910	0123456789
24	17154027	Lê Hồng Hiếu	DH17OT			9		8	8,5	0012345678910	0123456789
25	17154029	Phan Thanh Hiếu	DH17OT			9		10	9,5	0012345678910	0123456789
26	17154030	Lê Quang Hoan	DH17OT			9		10	9,5	0012345678910	0123456789
27	17154032	Lê Huy Hoàng	DH17OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
28	17154033	Ngô Minh Hoàng	DH17OT			9,5		9,5	9,5	0012345678910	0123456789
29	16154040	Nguyễn Kim Hoàng	DH16OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
30	17154034	Nguyễn Tấn Hùng	DH17OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
31	17154035	Nguyễn Thanh Hùng	DH17OT			9		8	8,5	0012345678910	0123456789
32	17154036	Hà Quang Huy	DH17OT			9		9	9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00470

Trang 3/6

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập xí nghiệp (207727) - 01

CBGD: Bùi Công Hành (CK011)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	17154038	Lê Tuấn Khang	DH17OT			8		10	9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
34	17154039	Phạm Hoàng Khang	DH17OT			9		8	8,5	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
35	17154040	Phạm Văn Khang	DH17OT			9		10	9,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
36	17154041	Nguyễn Duy Khánh	DH17OT			9		9	9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
37	17154042	Nguyễn Quốc Khánh	DH17OT			8		8	8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
38	17154043	Nguyễn Văn Khánh	DH17OT			8		10	9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
39	17154044	Trần Anh Khoa	DH17OT			9		10	9,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
40	17154046	Trần Duy Khoa	DH17OT			9		8	8,5	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
41	17154045	Trần Đăng Khoa	DH17OT			9		10	9,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
42	17154047	Phạm Tấn Kiệt	DH17OT			8		8	8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
43	17154051	Chiêm Phước Lộc	DH17OT			8		10	9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
44	17154053	Phan Tấn Lộc	DH17OT			9		10	9,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
45	17154056	Nguyễn Văn Mạnh	DH17OT			9		8	8,5	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
46	17154057	Trần Văn Hoài Nam	DH17OT			9		10	9,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
47	17154058	Phạm Sĩ Nguyên	DH17OT			9		9	9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
48	17154060	Nguyễn Thị Thanh Nhã	DH17OT			9		10	9,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 00470

Trang 4/6

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập xí nghiệp (207727) - 01

CBGD: Bùi Công Hành (CK011)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	17154061	Phan Thị Hoài	Nhã	DH17OT		9		10	9,5	0012345678●10	01234●6789
50	17154062	Hồ Tấn	Nhân	DH17OT		9		9	9	0012345678●10	●123456789
51	17154063	Lê Hoài	Nhân	DH17OT		9,5		9,5	9,5	0012345678●10	01234●6789
52	17154064	Nguyễn Thành	Nhân	DH17OT		8		8	8	001234567●910	●123456789
53	17154067	Nguyễn Văn	Nhật	DH17OT		9		8	8,5	001234567●910	01234●6789
54	17154069	Lê Văn Tấn	Phát	DH17OT		9		8	9,5	001234567●910	01234●6789
55	17154070	Nguyễn Thanh	Phong	DH17OT		9,5		9,5	9,5	0012345678●10	01234●6789
56	17154071	Trần Huỳnh	Phúc	DH17OT		8		8	8	001234567●910	●123456789
57	17154073	Đặng Hữu	Phước	DH17OT		8		8	8	001234567●910	●123456789
58	17154075	Cao Việt	Quang	DH17OT		9		10	9,5	0012345678●10	01234●6789
59	17154074	Đỗ Trung	Quân	DH17OT		9		9	9	0012345678●10	●123456789
60	17154078	Lê Thanh	Sơn	DH17OT		9		10	9,5	0012345678●10	01234●6789
61	17154079	Nguyễn Hồng	Sơn	DH17OT		9		8	8,5	001234567●910	01234●6789
62	17154080	Nguyễn Văn	Sơn	DH17OT		9		10	9,5	0012345678●10	01234●6789
63	17154082	Võ Hoàng	Sơn	DH17OT		9		10	9,5	0012345678●10	01234●6789
64	17154083	Châu Phước	Tài	DH17OT		9		9	9	0012345678●10	●123456789



Mã nhận dạng 00470

Trang 5/6

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập xí nghiệp (207727) - 01

CBGD: Bùi Công Hành (CK011)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
65	17113179	Trịnh Xuân Tâm	DH170T			9		10	9,5	0012345678910	0123456789
66	17154086	Lê Minh Tấn	DH170T			9		8	8,5	0012345678910	0123456789
67	17154088	Võ Văn Thạch	DH170T			9		8	8,5	0012345678910	0123456789
68	17154092	Dương Hữu Thành	DH170T			9		10	9,5	0012345678910	0123456789
69	17154916	Tất Vĩnh Thành	DH170T			8		8	8	0012345678910	0123456789
70	17154094	Huỳnh Phước Thạnh	DH170T			9		8	8,5	0012345678910	0123456789
71	17154090	Nguyễn Đình Thắng	DH170T			9		10	9,5	0012345678910	0123456789
72	17154091	Phạm Bá Thắng	DH170T			9,5		9,5	9,5	0012345678910	0123456789
73	17154096	Nguyễn Tấn Thọ	DH170T			8		9	8,5	0012345678910	0123456789
74	17154097	Nguyễn Văn Thông	DH170T			8		10	8	0012345678910	0123456789
75	17154098	Trần Đình Thông	DH170T			9		10	9,5	0012345678910	0123456789
76	17154100	Nguyễn Phước Thuận	DH170T			9		8	8,5	0012345678910	0123456789
77	17154102	Lê Cao Quốc Tiến	DH170T			8		9	8,5	0012345678910	0123456789
78	17154103	Nguyễn Quang Tiến	DH170T			9		8	8,5	0012345678910	0123456789
79	17154104	Nguyễn Võ Minh Tiến	DH170T			9,5		9,5	9,5	0012345678910	0123456789
80	17154105	Nguyễn Trung Tín	DH170T			8		8	8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00470

Trang 6/6

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập xí nghiệp (207727) - 01

CBGD: Bùi Công Hành (CK011)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
81	17154107	Nguyễn Văn Toàn	DH170T			9		8	8,5	0012345678910	0123456789
82	17154108	Trần Văn Trà	DH170T			9		9	9	0012345678910	0123456789
83	17154110	Lê Thị Thảo	DH170T			8		9	8,5	0012345678910	0123456789
84	17154112	Trần Nguyễn Xuân	DH170T			9		10	9,5	0012345678910	0123456789
85	17154113	Võ Thương	DH170T			9		9	9	0012345678910	0123456789
86	17154116	Nguyễn Anh Tuấn	DH170T			8		10	9	0012345678910	0123456789
87	17154117	Phan Anh Tuấn	DH170T			9		8	8,5	0012345678910	0123456789
88	17154118	Lê Văn Tùng	DH170T			9		9	9	0012345678910	0123456789
89	17154119	Nguyễn Minh Viễn	DH170T			9		10	9,5	0012345678910	0123456789
90	17154120	Nguyễn Thành Vinh	DH170T			9		10	9,5	0012345678910	0123456789
91	17154122	Đặng Bá Vũ	DH170T			9		10	9,5	0012345678910	0123456789
92	17154123	Lý Hoàng Vũ	DH170T			9		8	8,5	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Trinh Nguyễn

Bùi Công Hành



Mã nhận dạng 16316

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Anh văn kỹ thuật(207760)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18OT_01**

Tổ Thi **001_DH18OT_01**

Tên CBGD **Nguyễn Đức Khuyến**

Ngày Thi **21/01/2022**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi **RD205**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154001	Quách Trường An	DH18OT				9	8,5	8,8	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ● ● ○ ● ● ● ● ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ● ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
2	18154003	Trương Long Ân	DH18OT				3	9	7,2	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ● ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
3	18154004	Lương Tiến Anh	DH18OT				9	9	9,0	○ ○	● ○
4	18154005	Nguyễn Duy Anh	DH18OT				5	9	7,8	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ● ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○
5	18154006	Phạm Tuấn Anh	DH18OT				8	5	5,9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ● ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○
6	18154007	Trần Quyền Anh	DH18OT				9	9	9,0	○ ○	● ○
7	18154008	Trịnh Hoàng Anh	DH18OT				0	8,5	2,5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ● ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
8	18154009	Phan Hải Âu	DH18OT				9	7,5	8,0	○ ○	● ○
9	18154011	Lý Thị Bé	DH18OT				9	9	9,0	○ ○	● ○
10	18154013	Phạm Minh Chí	DH18OT				9	9	9,0	○ ○	● ○
11	18154015	Nguyễn Chí Cường	DH18OT				9	9	9,0	○ ○	● ○
12	18154016	Dương Đình Đại	DH18OT				9	7,5	8,0	○ ○	● ○
13	18154017	Nguyễn Tấn Đại	DH18OT				9	9	9,0	○ ○	● ○
14	18154018	Huỳnh Công Danh	DH18OT				2	9	8,4	○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
15	18154019	Huỳnh Công Danh	DH18OT				9	9	9,0	○ ○	● ○
16	18154027	Đinh Quốc Dũng	DH18OT				5	2	6,4	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ● ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○



Mã nhận dạng 16316

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207760)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_01

Tổ Thi 001_DH18OT_01

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 21/01/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD205

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154028	Phạm Tiến Dũng	DH18OT				8	9	88	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
18	18154031	Nguyễn Minh Dương	DH18OT				✓	✓	✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	19154002	Trương Hoàng Anh	DH19OT				9	9	90	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	19154005	Nguyễn Thái Bảo	DH19OT				9	9	90	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	19154015	Huỳnh Mạnh Cường	DH19OT				9	9	90	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	19154017	Võ Quốc Đại	DH19OT				9	9	90	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	19154020	Nguyễn Công Danh	DH19OT				9	8	83	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
24	19154021	Nguyễn Ngọc Danh	DH19OT				9	9	90	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi 27, Số sinh viên vắng

Ngày 1 Tháng 3 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 24/01/2022

TS. Nguyễn Đức Khuyến

TS. Nguyễn Đức Khuyến



Mã nhận dạng 16317

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Anh văn kỹ thuật(207760)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18OT_01**

Tổ Thi **002_DH18OT_01**

Tên CBGD **Nguyễn Đức Khuyến**

Ngày Thi **21/01/2022**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi **RD306**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17154028	Phạm Tử Hùng	Hiếu	DH17OT			✓	✓	✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	18154020	Nguyễn Quang	Đạo	DH18OT			✓	7	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	18154021	Lâm Gia	Đạt	DH18OT			9	8,5	8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
4	18154022	Lưu Quốc	Đạt	DH18OT			9	8	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
5	18154024	Nguyễn Phi	Đình	DH18OT			9	9	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	18154025	Nguyễn Trung	Đình	DH18OT			9	8,5	8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
7	18154032	Nguyễn Ngọc	Giang	DH18OT			9	9	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	18154033	Lương Văn	Giàu	DH18OT			5	8,5	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
9	18154035	Dương Trọng	Hiếu	DH18OT			9	9	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	18154036	Lê Võ Quang	Hiếu	DH18OT			9	7,5	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	18154037	Nguyễn Văn	Hóa	DH18OT			9	7	7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
12	18154038	Lê Thanh	Hòa	DH18OT			5	4	4,5	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
13	18154039	Vũ Xuân	Hòa	DH18OT			9	5,5	6,6	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
14	18154040	Nguyễn Việt	Hoàng	DH18OT			9	8,5	8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
15	18154041	Nguyễn Minh	Hưng	DH18OT			9	7	7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
16	18154042	Nguyễn Hữu Trọn	Hường	DH18OT			9	9	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 16317

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Anh văn kỹ thuật(207760)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18OT_01**

Tổ Thi **002_DH18OT_01**

Tên CBGD **Nguyễn Đức Khuyến**

Ngày Thi **21/01/2022**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi **RD306**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154046	Nguyễn Hoàng Huy	DH18OT				9	9	9,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
18	18154047	Nguyễn Hữu Minh	DH18OT				2	7,5	7,4	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○
19	18154048	Phạm Trần Gia	DH18OT				9	9	9,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
20	18154051	Đình Nhĩ	DH18OT				9	9	9,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
21	18154052	Trần Chí	DH18OT				9	9	9,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
22	19154022	Nguyễn Xuân	DH19OT				7	8	8,3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○
23	19154027	Nguyễn Hoài	DH19OT				9	9	9,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
24	19154035	Trần Hoàng	DH19OT				9	9	9,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○

Số sinh viên dự thi 27 Số sinh viên vắng ...

Ngày 1 Tháng 3 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16318

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207760)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_01

Tổ Thi 003_DH18OT_01

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 21/01/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD304

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154053	Trần Công Khánh	DH18OT				9	9	9,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
2	18154054	Thạch Đăng Khoa	DH18OT				7	85	8,1	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
3	18154056	Cao Trung Kiên	DH18OT				9	8	8,3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
4	18154057	Đặng Nguyễn Minh	DH18OT				9	9	9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
5	18154058	Đỗ Tuấn Kiệt	DH18OT				9	9	9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
6	18154059	Nguyễn Phan Hoài Lâm	DH18OT				9	85	8,7	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
7	18154060	Nguyễn Văn Chí Lâm	DH18OT				9	8	8,3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
8	18154061	Chu Phú Lâm	DH18OT				9	9	9,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
9	18154063	Nguyễn Xuân Linh	DH18OT				9	9	9,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
10	18154064	Nguyễn Văn Lợi	DH18OT				9	9	9,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
11	18154066	Lưu Kim Long	DH18OT				9	8	8,3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
12	18154068	Phạm Kim Long	DH18OT				9	9	9,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
13	18154070	Nguyễn Hoàng Nam	DH18OT				9	9	9,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
14	18154071	Nguyễn Thế Nam	DH18OT				9	9	9,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
15	18154072	Phan Thành Nam	DH18OT				9	9	9,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
16	18154073	Tạ Hoàng Nam	DH18OT				9	7	7,6	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○



Mã nhận dạng 16318

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207760)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_01

Tổ Thi 003_DH18OT_01

Tên CBGD

Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 21/01/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi

RD304

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154075	Huỳnh Trọng Nghĩa	DH18OT				9	9	9,0	0012345678●10	●123456789
18	18154076	Văn Hữu Nghĩa	DH18OT				9	9	9,0	0012345678●10	●123456789
19	18154077	Nguyễn Thanh Nghiêm	DH18OT				9	9	9,0	0012345678●10	●123456789
20	18154078	Đặng Văn Ngoan	DH18OT				9	9	9,0	0012345678●10	●123456789
21	18154081	Võ Nhật Nguyên	DH18OT				9	8	8,3	001234567●910	012●456789
22	19154071	Võ Minh Khang	DH19OT				9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
23	19154090	Trịnh Đình Vũ	DH19OT				9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
24	19154097	Nguyễn Hoàng Nam	DH19OT				9	8	8,3	001234567●910	012●456789

Số sinh viên dự thi 9. Số sinh viên vắng

Ngày 1 Tháng 5 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16319

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207760)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_01

Tổ Thi 004_DH18OT_01

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 21/01/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154083	Phạm Minh Nhã	DH18OT				9	9	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	18154086	Võ Đình Nhân	DH18OT				8	9	8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
3	18154088	Nguyễn Đình Nhật	DH18OT				9	9	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	18154089	Đoàn Minh Nhựt	DH18OT				9	9	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	18154090	Trần Nguyễn Minh	DH18OT				9	8	8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
6	18154092	Chau Số Phát	DH18OT				9	8	8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
7	18154093	Nguyễn Hữu Phát	DH18OT				9	9	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	18154095	Nguyễn Văn Phong	DH18OT				9	9	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	18154096	Quách Thanh Phú	DH18OT				9	9	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	18154097	Hồ Hoàng Phúc	DH18OT				9	9	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	18154099	Trần Hoàng Phúc	DH18OT				9	9	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	18154100	Mai Trần Phương	DH18OT				9	9	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	18154101	Nguyễn Duy Phương	DH18OT				9	9	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	18154102	Lý Trung Quân	DH18OT				9	9	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	18154104	Lê Duy Quốc	DH18OT				9	9	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	18154105	Đinh Hoàng Sơn	DH18OT				9	9	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 16319

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207760)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_01

Tổ Thi 004_DH18OT_01

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 21/01/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154107	Nguyễn Hữu Sum	DH18OT				9	8	8,3	001234567●910	012●456789
18	18154108	Trương Thành Tấn	DH18OT				9	9	9,0	0012345678●10	●123456789
19	18154109	Nguyễn Hoàng Nhật Tào	DH18OT				9	9	9,0	0012345678●10	●123456789

Số sinh viên dự thi 1. Số sinh viên vắng 0....

Ngày 1 Tháng 5 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến

TS. Nguyễn Đức Khuyến



Mã nhận dạng 16320

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207760)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_01

Tổ Thi 005_DH18OT_01

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 21/01/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17154095	Huỳnh Minh Thịnh	DH18OT				9	9	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	18154110	Huỳnh Phước Thái	DH18OT				9	9	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	18154111	Phạm Ngọc Thái	DH18OT				9	8	8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
4	18154112	Trần Lê Phương	DH18OT				9	9	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	18154113	Lê Đức Thắng	DH18OT				9	9	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	18154114	Nguyễn Quốc	DH18OT				9	8	8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
7	18154115	Trần Hữu	DH18OT				9	8	8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
8	18154116	Đặng Kim Thảo	DH18OT				9	9	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	18154119	Đoàn Văn Thìn	DH18OT				7	9	8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
10	18154120	Trần Quốc	DH18OT				9	9	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	18154121	Giang Đại	DH18OT				9	9	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	18154122	Hồ Văn Thuận	DH18OT				9	9	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	18154123	Trương Văn Thục	DH18OT				9	8	8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
14	18154124	Nguyễn Hữu Tín	DH18OT				0	9	6,3	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
15	18154125	Nguyễn Văn Toàn	DH18OT				9	9	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	18154126	Võ Minh Trí	DH18OT				9	9	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 16320

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Anh văn kỹ thuật(207760)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18OT_01**

Tổ Thi **005_DH18OT_01**

Tên CBGD **Nguyễn Đức Khuyến**

Ngày Thi **21/01/2022**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi **RD202**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154131	Nguyễn Tài Tuệ	DH18OT				9	9	90	0012345678●10	●123456789
18	18154132	Nguyễn Thanh Tùng	DH18OT				9	9	90	0012345678●10	●123456789
19	18154135	Võ Văn Vũ	DH18OT				9	9	90	0012345678●10	●123456789
20	19154900	Nguyễn Huy Toàn	DH19OT				9	8	85	001234567●910	012●456789

Số sinh viên dự thi 20. Số sinh viên vắng

Ngày 1 Tháng 3 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến

TS. Nguyễn Đức Khuyến